

THÁI - BẠCH



# CUỘC BÚT CHIẾN

GIỮA

PHAN-VĂN-TRỊ — TÔN-THỌ-TƯỜNG

Nhà xuất-bản SỐNG-MỚI

90/2 Cao-Thắng — SAIGON

1957



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : CUỘC BÚT-CHIẾN GIỮA  
PHAN-VĂN-TRỊ TÔN-THỌ-TƯỜNG

Tác giả : THÁI-BẠCH

Nhà xuất bản : SỐNG MỚI

Năm xuất bản : 1957

-----  
Nguồn sách : TVE-4U

Đánh máy : Rosie Nguyễn, kehetthoi

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Đăng Khoa, Đoàn Duy Nam,  
Hoàng Thị Bùi Thu, Trương Đình Tý, Lưu Nguyễn Thị Hợp

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 07/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận  
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả THÁI-BẠCH và nhà xuất bản SỐNG  
MỚI đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

# MỤC LỤC

LỜI SOẠN-GIẢ

I. Thời-đại cuộc BÚT-CHIẾN

II. Giới thiệu Phan-văn-Trị

III. Giới thiệu Tôn-thọ-Tường

IV. So sánh giữa hai người

V. Bảng đòn cân lực lượng

VI. Nội-dung cuộc bút-chiến

VII. Giá trị cuộc bút chiến

VIII. Kết luận

**THÁI-BẠCH**  
**CUỘC BÚT-CHIẾN**  
**GIỮA**  
**PHAN-VĂN-TRỊ TÔN-THỌ-TƯỜNG**

**Nhà xuất-bản SỐNG MỚI**  
**90/ 2, Đường Cao-Thăng – SAIGON**  
**1957**

## LỜI SOẠN-GIẢ

*Tám mươi năm qua trên lịch-sử nước ta là cả tám mươi năm chiến-đấu không ngừng để giành lại chủ-quyền và giải phóng đất-đai.*

*Việc ấy ai cũng biết phải qua nhiều thời-kỳ, dùng nhiều hình-thức, khi công-khai, lúc bí-mật, và có khi đã cùng một lượt đưa ra bằng đủ mọi phương-diện : quân-sự, chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa. Chỉ một viên gạch hay một khúc cây thoi, không thể nào, và cũng không bao giờ trở thành một tòa nhà được hết.*

*Tuy thế một phần đông chúng ta chỉ chú-ý đến những cuộc chiến-đấu xảy ra bằng hình-thức võ-trang nhất là thời-kỳ đầu, khi quân Pháp mới tràn sang đất này như của các vị anh hùng dân tộc Trương-công-Định, Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám, v.v... mà quên rằng trong thời-kỳ đó, trong giai-đoạn lịch-sử đó, bên cạnh những cuộc chiến-đấu ấy, còn có một cuộc chiến-đấu, tuy không phải gươm súng, nhưng kết-quả đã có ảnh-hưởng rất sâu trong quần-chúng.*

*Cuộc chiến-đấu ấy tức CUỘC BÚT-CHIẾN giữa Phan-văn-Trị, Tôn-thọ-Tường, hai nhà thơ cùng thời ở Đồng-nai Bến-nghé, nhưng một đứng về phe kháng-chiến, phe chính-nghĩa, tức phe của nhân-dân, còn một thì đứng về phe phi-nghĩa, phe theo quân giặc để phản lại đồng-bào.*

*CUỘC BÚT-CHIẾN ấy thế nào ?*

*Trong tập sách mỏng này, chúng tôi xin trình bày với quý bạn đọc, và đặc-biệt chú-ý đến tính-chất quan-trọng của nó, vì đó chính là giá-trị của một thành-tích lịch-sử, mà tất cả mọi người Việt-nam ta, không ai là không phải biết đến, để cùng nhận xét và học tập...*

**Sài-thành, mùa mưa năm Đinh Dậu, 1957**

**THÁI-BẠCH**

## **I. Thời-đại cuộc BÚT-CHIẾN**

Cuộc bút-chiến xảy ra vào thời-đại nào ?

Có thể nói là một thời-đại vô cùng rối reng và nát bét trên lịch-sử nước ta, nhằm giữa lúc thế-kỷ 19, một thế-kỷ mà trong nước vừa có nội-loạn và vừa có ngoại-xâm. Trong thì giặc-giã nổi lên như ong. Ở Bắc, nhân-dân vừa thoát khỏi nạn giặc Phan-bá-Vành, Lê-duy-Lương, Nùng-văn-Vân thì lại đến giặc Tam-đường, giặc Nguyễn-văn-Thịnh, giặc Khách, giặc Cờ-đen, giặc Cờ-trắng, giặc Cờ-vàng nổi lên ở các tỉnh Trung-du và Thượng-du. Ở Trung, ngay tại kinh-thành Huế thì có việc âm mưu cướp ngôi vua Tự-Đức do bọn Đinh-Đạo, Đoàn-Trừng, Tôn-thất-Cúc chủ-trương (việc không thành, cả bọn đều bị tội).

Ở miền Nam tuy không có những cuộc nội-loạn liên tiếp xảy ra như hai miền Trung, Bắc, nhưng trước hơn đâu hết, các tỉnh lần lượt bị lọt vào tay quân đội thực-dân Pháp.

Cái kết-quả tai hại đi dần tới chỗ mất nước ấy là do nơi chính-sự triều-đình đổ nát, quan-lại tham-ô. Nhà vua thì lo việc củng-cố vương-quyền bằng cách thu hẹp bộ máy chánh-quyền trong các hạng bày tôi thân tín, thủ túc hơn nghĩ đến công việc cải-thiện bộ máy sinh-hoạt của nhân-dân.

Quan-niệm hưởng lạc ngày càng nẩy-nở nơi triều-nội. Vua thì như thế, còn quan-lại thì a dua xu phụng để lo lấy vinh thân phì da hơn là nghĩ đến công việc lớn trong nước.



Đã thế, việc chủ-trương cấm đoán, khủng bố Gia-tô giáo và chính-sách bế môn tỏa cảng, không giao thiệp với các nước phương Tây lại càng làm cho việc đối nội cũng như đối ngoại, mỗi ngày một thêm phần rối rắm.

Sự học của nước ta lúc đó tuy có thịnh, nhưng cái thịnh của lối học từ-chương và cử-nghiệp không thể bảo đảm được cho công việc trị nước an dân. Bởi thế, các quan-lại đa số xuất thân từ khoa-bảng, từ sân Trình cửa Khổng, nhưng không mấy ai, khi hành-động giữ được nguyên-lý chân chính của Nho-học, luân-lý của Thánh-Hiền để lại.

Do ở cái học hư-vân ấy, lại lâm vào hoàn-cảnh xã-hội như trên, nên trong lớp sĩ-phu hồi đó, nói chung những người có học đã phát sinh ra một số bất mãn, bất mãn vì chế-độ triều-đình, bất mãn về khoa-bảng, bất mãn về công-danh sự-nghiệp, rồi dần dần đi tới những hành-động bất chính. Thế rồi khi quân giặc Pháp đổ chân lên đất này trong các từng lớp nhân-dân đã phân ra hai hạng người rõ-rệt :

Một hạng vì vinh-hoa, phú quý đi ra theo giặc để phản lại đồng-bào, trong hạng người này có số sĩ-phu bất mãn với chế độ triều-đình, với công-danh sự-nghiệp như trên, nhưng trước dư-luận, họ vẫn cố ý bào chữa cho việc làm của mình là ngộ biến tòng quyền để che giấu cái bộ mặt xấu xa và bỉ ổi trong khi cả nước đương sôi lên vì nhục.

Một hạng nữa là những người đứng hẳn về phe kháng-chiến, phe của đa-số nhân-dân, thà chết vinh còn hơn sống nhục, thà chịu gian-nan cực-khổ còn hơn là đi ra đầu hàng

giặc để chia rượu ngọt, gặm bánh mì, mang tiếng muôn đời là phản nước hại dân.

Nói riêng về tình-hình miền Nam lúc đó, nghĩa là từ năm 1861, năm quân Pháp hạ thành Gia-định trở đi, thì hạng trước là những người như Đỗ-hữu-Phương, Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, và trong đó có người được gọi là sĩ-phu, tức đốc-phủ Tôn-thọ-Tường. Còn hạng sau là những người kiên quyết chống lại bằng những hành-động võ-trang như các ông Trương-công-Định, Nguyễn-trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Thủ-khoa-Huân. Trong số các sĩ-phu ở về phía chính-ngĩa của nhân-dân này có ông Cử-nhân Phan-văn-Trị và một số khác tuy không trực tiếp tham gia cuộc chiến-đấu bằng gươm đao súng đạn để giành lại giang sơn, nhưng đã đóng góp vào công việc kháng-chiến của toàn dân bằng cách dùng ngòi bút của mình để đánh lại những hạng người trên kia, nghĩa là đã hoạt-động và chiến-đấu trên chiến-trường văn-ngệ.

Vì vậy, cuộc bút-chiến đã phát sinh giữa hai phe, một phe là Tôn-thọ-Tường, người theo Pháp, và một phe chống lại là những sĩ-phu yêu nước đứng về phía nhân-dân kháng-chiến mà người xướng khởi, cùng có công hơn hết phải nói là ông Phan-văn-Trị.

Cho nên nói đến cuộc bút-chiến này, chúng ta ngày nay không thể không biết sơ qua về thời-đại của nó, vì chính nó là con đẻ của thời-đại nước ta khi đó, cũng như ở khoảng thế-kỷ ấy mà tình-hình trong nước không có những cái đáng tiếc và những biến cố đã xảy ra như trên kia chúng tôi đã kể

sơ lược cùng các bạn thì cuộc bút-chiến ấy cũng không có thể nào hoặc do đâu mà phát sinh ra vậy.

## **II. Giới thiệu Phan-văn-Trị**

Ông Phan-văn-Trị người làng Hanh-thông tỉnh Gia-định, thi đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-Dậu, năm Tự-đức thứ 2 tức Dương-lịch 1849, nên tục thường gọi là Cử-Trị.

Ông sinh năm Canh-dần, tức năm Minh-mệnh thứ 11, dương-lịch 1980 và mất năm Canh-tuất tức năm Duy-tân thứ 4 dương-lịch 1910, hưởng thọ được 81 tuổi.

Giòng dõi trâm anh, bẩm tính thông-minh, lại sinh gặp thời vua Minh-mệnh, một thời mọi việc trong nước đều được sửa sang tu chỉnh lại, đặc-biệt về phương-diện văn-học lại càng được mở mang, như việc đặt ra nhà Quốc-tử-giám, việc mở thêm các khoa thi Hội, thi Đình, việc đặt ra chân học-sinh ở các tỉnh miền Nam cho các thanh-niên tuần tú được cấp lương ăn theo học tại trường quan Đốc-học ở tỉnh. Do đó, sức học của ông Cử không mấy chốc đã thành tài, nổi tiếng. Ông thi đậu Cử-nhân năm 20 tuổi, kể là một vị khoa-mục trẻ tuổi vào hàng trẻ tuổi nhất thời đó.

Với chân khoa-bảng ấy, lẽ ra ông đã sớm nhẩy vào quan trường để nhờ bước thang mây giải quyết vấn-đề sinh sống của gia-đình. Nhưng tính khinh thế ngạo vật và tự kiêu của người có danh vọng hiển đạt, nhưng còn ở tuổi mới lớn lên, đã làm cản trở bước đường ấy của ông.

Cụ Phan-thanh-Giản là bạn thiết với thân phụ ông, lúc đó được cử vào nhậm chức Kinh-lược phó-sứ và lãnh chức Gia-định tuần-phủ, nghe tiếng ông Cử tài cao học giỏi đỗ

sớm, nhà nghèo mà chưa được trọng dụng, mới viết thư gọi ông đến để kiếm việc cho làm. <sup>1</sup>

Khi ông Cử tới, cụ Phan hỏi qua về kinh sách, rồi nhận thấy một con mèo nhảy lên sà nhà mới lấy đó ra đầu-đề bài thơ cho ông Cử. Ông hạ bút viết liền :

*« Mấy từng đài các sải chân leo.  
Nhảy lẹ chi cho bằng giống mèo.  
Chợt ngảnh mặt hùm nhìn trực thị,  
Chi cho lũ chuột dám vang reo.  
Vuốt nhanh sẵn có vàng phơi sắc ;  
Vần vận đành không bụi đóng meo.  
Trăm tuổi hồn dầu về chín tuổi.  
Năm lông để lại giúp trò nghèo ».*

Cụ Phan xem thơ phục tài, nhưng cho rằng ông có ý ngạo mình. Và thấy con người còn nhỏ tuổi quá mà lại có tính như vậy thì e sau này sẽ không làm nên được, nên việc cất nhắc ông, cụ Phan đình lại. Cách ít hôm sau, cụ Phan tới chơi nhà ông để thăm ông thân-sinh ra ông là bạn cũ với mình. Thấy ông Cử, cụ Phan hỏi có bài thơ nào mới làm cho xem. Ông Cử đưa ra 2 bài thơ, một bài vịnh « Đá cá thia-thia » và một bài nữa vịnh « Hột thóc ». Bài :

**« ĐÁ CÁ THIA-THIA »**

*Đằm thắm mưa xuân trở mấy màu.  
Vị tài vị sắc mới kinh nhau.  
Đua chen hai nước toan giành trước ;  
Lùng lẫ đưa hơi chẳng chịu sau.  
Mường tượng rồng đua nơi biển thẳm ;*

*Mĩa mai cù dậ dưới sông sâu.  
Thở hơi sóng dợn nhần lòng nước ;  
Mắt thấy ai ai cũng cúi đầu.*

*Đồng loại sao người chẳng ngỗ ngang,  
Hay là một lúa phải nung gan ?  
Trương vi so độ vài gang nước ;  
Đâu miệng hơn thua nửa tấc nhang.  
Ráng sức giây lâu đà tróc vẩy ;  
Nín hơi trót buổi lại phùng mang.  
Ra tài cửa võ chưa nên mặt,  
Cắc có khen ai khéo nhận nhàng.*

### **« VỊNH HỘT THÓC »**

*Giã từ đồng ruộng dạo xa chơi,  
Thiên-hạ ai mà chẳng biết hơi.  
Cởi giáp vàng kia phơ chốn chốn.  
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi.  
Ông cha giúp nước đà ghe thuở.  
Giòng dõi nuôi dân biết mấy đời.  
Vì thế liễu mình cơn nước lửa,  
Người đà có thấy hỡi người ơi !*

Xem bài trên, cụ Phan cho là tuyệt diệu, có khí-khái. Nhưng qua bài dưới, tới 2 câu luận cụ phê Thóc không có ông cha và ở câu kết, cụ phê rằng : « Nhữ hà oán Triều đình dữ thế ?

Bởi đó, việc cắt nhắc ông vào hoạn-bộ không thành. Từ đó, ông cũng chán luôn, không màng nghĩ đến nữa. Gặp

hoàn-cảnh gia-đình túng thiếu, ông phải đi xuống các tỉnh miền Tây dạy học, và thường phải lui tới vay mượn các anh em bạn bè như các ông Bổ-chánh Thông, Đốc-phủ Trung, Huấn-đạo Hăng, Thủ-khoa Nghĩa, v.v...

Khi chiến-tranh Pháp, Việt bùng nổ ở Gia-định, ông tản cư xuống Vĩnh-long, mở trường dạy học và làm thuốc làng Hưng-thạnh, huyện Bảo-an. Trong những ngày này, ông thường đi lại chơi bời, đàm luận với các ông Nguyễn-đình-Chiếu, Huỳnh-mẫn-Đạt. Cùng nhau lấy làm tương đắc lắm.

Ông mất tại làng Phong-diên là nơi ông đã từng ngồi dạy học. Địa-điểm này ở cách thị-xã Cần-thơ chừng 17 cây số, con cháu ông hiện nay cũng còn ở vùng này, nhưng không phát đạt lắm.

Bình-sinh ông Phan làm thơ rất nhiều và được truyền tụng cũng rất lắm.

Trong số các tác phẩm của ông, ngoài những bài trên và những bài bút chiến, những bài sau đây là đặc sắc :

### **1. « CON CỐC »**

*Cóc hỡi mà sao cứ một ngồi ?*

*Vợ chồng đồng mặc cả và đôi.*

*Nghiến răng nhiều thưở oai trời động,*

*Mở miệng đòi phen lũ kiến lui.*

*Phận khó bốn mùa nhờ chiếu đất.*

*Danh vang tám tiết biết thời trời.*

*Mưa tuôn một trận đầy lai láng ;*

*Cóc nhảy ra ngồi khuấy nước chơi.*

## **2. « QUÁN NƯỚC »**

*Trà thô đãi khách giải công-lao,  
Gây dựng cơ đồ tẩm thảo-mao  
Mấy cấp lên đài ra sửa nước,  
Một tay chế bột chẳng lo trào.  
Lời nhờ trăm họ khi nông nực ;  
Ơn chịu muôn dân khỏi khát khao,  
Thương khách vắng lai đều thả hết,  
Một mình tri thức đủ anh-hào.*

## **3. « THỢ MAY »**

*Giỏi lẽ Hoàng-đế<sup>2</sup> chúc toan tìm  
Nghề-nghiệp trong tay đỡ vận chìm  
Chấp mỗi âm dương vài sợi chỉ,  
Mở mang trời đất một đàn kim,  
Nhờ công cả nước che sương gió  
Giúp sức nhà vương đủ áo xiêm.  
Một thuở ra tay người đặng ấm ;  
Trăm năm đẹp mắt kẻ quan chiêm.*

## **4. « BẾN AN GIANG »**

*Lênh đênh bè nước biết là đâu,  
Đậu bến An-giang thấy những rầu.  
Bảy núi mây liền chim nhíp cánh ;  
Ba dòng nước chảy cá vênh râu.  
Có rau nội quạnh dân xanh mặt,  
Không trái bần khô khỉ bạc đầu.  
Xem hết cảnh tình rồi nghĩ nghĩ,  
Thú vui chỉ có một thuyền câu.*



## **5. « CÁI CỐI XAY »**

Công danh trên thế đổ ai tầy,  
Ra gạo cũng nhờ cái cối xay.  
Một trận chi sồn cơn gió bụi,  
Trăm vòng nào nại sức lung-lay.  
Mòn răng nợ chủ lòng mong trả,  
Trặc họng khen ai khéo đặt bày.  
Bao quản thốt trên cùng thốt dưới,  
Hiềm vì còn giặc phải ra tay.

## **6. « ÔNG TÁO »**

Vóc là đất cục phải là chi.  
Ông Táo danh xưng tự thuở ni.  
Lông không công nổi da mỗc thếch,  
Lum khum đội chảo mặt đen sì.  
Chày da với chủ đà ghe thuở,  
Phỏng trán cùng dân đã mấy khi.  
Sau trước họ hàng chưa rõ đặt.  
Ba đầu chụm lại giống di gì ?

## **7. « CON RẬN »**

Mặt mũi mần ri cũng có râu,  
Cả đời chẳng biết dựng vào đâu.  
Xôn xao trên mảo chưa ra mặt,  
Lục đục trong chần cứ đục đầu.  
Khuấy ngứa gầy dân chi khác rệp.  
Ra công bảo nước chẳng bằng trâu.  
Khéo sanh trong thế chi cho nhộn,  
Có có không không cũng chẳng cầu.

## **8. « CHÙA HƯ »**

*Nam mô hai chữ biết về đâu  
Cảm nỗi chùa hư, Phật phải rầu,  
Nắng giời mõi chuông khô nứt mặt,  
Mưa sa kinh kệ ướt mem đầu,  
Rằm ngươn vắng kẻ dâng vùa nếp,  
Hôm sớm không ai cúng phụng dầu.  
Đức cả từ bi xin sớm liệu,  
Ngồi chờ Lương-Võ<sup>3</sup> thế còn lâu.*

## **9. « NƯỚC LỤT »**

*Mưa từng đổ, gió từng hồi,  
Thế-giới bao nhiêu nước khỏa rồi.  
Lũ kiến bất tài đòi chỗ tắm,  
Chòm rong vô dụng sủi bè trôi.  
Lao xao nội lục nghe chim óng ;  
Lổm xổm giường cao thấy chó ngồi.  
Nỡ bỏ dân nghèo trên gác yếu,  
Nào vua Hạ-Vũ ở đâu người ?*

## **10. « NẠN CÀO-CÀO »**

*Chẳng biết cơ trời khéo khiến sao,  
Trải qua mấy xứ cũng cào-cào.  
Hình như châu-chấu vàng pha xám.  
Miệng tựa chuồn-chuồn thấp lại cao.  
Hại lúa bởi ngơ nên cắc-cổ,  
Nhọc lòng cho kẻ đuổi lao-xao.  
Lời ngay ướm hỏi quan lương-thú.  
Đuổi đó phòng toan tới xứ nào ?*

## **11. « VĨNH LONG THẤT THỦ »**

Tò le kèn thổi tiếng năm ba <sup>4</sup>  
Nghe lọt vào tai dạ xót xa,  
Uốn khúc sông Rồng mờ mịt khói,  
Vẳng hoe thanh Phụng ủ sầu hoa.  
Tan nhà cám nổi câu ly-hận,  
Cắt đứt thương thay cuộc giảng-hòa.  
Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ.  
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.

## **12. « THẾ SỰ »**

Mỗi tơ ai gỡ lúc này xong ?  
Một giải trời Nam biết mấy trùng.  
Kẻ ứa gan trung dương mắt ngó ;  
Người liều dạ sắt múa tay không.  
Thành bày trung nghĩa theo tro bụi,  
Hoài của giang sơn trút biển sông.  
Ơn nước nợ nhà đành có thuở ;  
Biết bao chờ đợi, biết bao trông !  
Chiều chiều lại nhớ cảnh chiều chiều,  
Thăm cảm giang sơn biết bấy nhiêu !  
Dấu cũ gò băng nên Hạ-Võ <sup>5</sup>  
Phép xưa trái trấp luật Đường-Nghiêu <sup>6</sup>  
Hứa-Do tức bụng làm thẳng mực, <sup>7</sup>  
Sào-Phủ nghiêng rằng giả chú tiều.  
Thế vậy dặn mình đừng có vậy,  
Cờ mao <sup>8</sup> chống chỏi chớ lo xiêu.

### **13. « CÂU CÁ »**

Người hỡi Nghiêm-Lăng có biết chẳng<sup>9</sup>  
Lòng ta ý gã đồ ai bằng !  
Nửa cân thú-vị trời trời nước ;  
Một sợi phong lưu gió gió trăng.  
Thao lược đã đành nghìn dặm bủa ;  
Giang sơn tóm rốc một tay phăng.  
Xưa nay cũng một dòng sông Vị,<sup>10</sup>  
Mơ tưởng xe Châu biểng nói rằng.  
Lỗi phải thầy ai, chẳng lụy cầu.  
Sao bằng thông thả một cần câu.  
Dòng ngân thả lưới dầu trưa sớm ;  
Đáy bích giếng tơ mặc tóm râu.  
Dựa bãi Nghiêm-Lăng chờ bỉ thái,  
Neo gành Lã-Vọng nhấp công hầu.  
Giang-sơn thế để mình là thợ,  
Sanh sát quyền ta thế biết đâu.

### **14. « CẢM HOÀI »**

Cõi Nam chung hưởng hội thắng bình,  
Trời đất gây nên cuộc chiến-tranh.  
Xe ngựa nhộn nhàng xe ngựa khách,  
Nước non vun quên nước non mình.  
Những trang dụng-thế đành ngơ mặt,  
Mấy gã trung quân nữ phụ tình.  
Bao thuở đem về cơ nhất-thống ?  
Ngàn thu bia tạc đứng trung trinh.  
Trung trinh dốc trọn đạo tôi dân,

Nàn khổ xưa nay biết mấy lần.  
Ở Hán giốc lòng phò vạc Hán ;  
Oán Tần ra sức đuổi hươu Tần.  
Nhìn Nam chạnh tủi cảnh hoa ủ,  
Ngó Bắc ngùi thương đám bạch-vân.  
Cái nợ tang-bồng than thở phận,  
Đành đem dập dĩa giữa phong trần.  
Phong-trần lắm lúc luống sầu riêng,  
Biết mượn tay ai gỡ mối phiền.  
Áo mũ ba đời ơn rất trọng,  
Can qua một cuộc nghĩa chưa tuyền.  
Trở trêu con tạo lòng đa sảo,  
Tráo trở anh-hùng buổi thiếu niên.  
Phất phới bụi hồng đà trải dẫu,  
Tâm tình chịu uốn thú hàn huyền.  
Hàn-huyền nghĩ phận, luống băng khuâng,  
Tình cảnh xem quả lệ ngập ngừng.  
Roi vọt dứt dòng chưa phải vận ;  
Dây oan rồi mỗi hãy lo chừng.  
Nỡ nghe tiếng loạn đem tai rửa ;  
Đành thấy thẳng gian để mắt trừng.  
Mấy mặt anh-hùng sao nép dẫu,  
Vạc nghiêng hà dám một tay nâng.  
Tay nâng há dám một mình đây,  
Kẻ Bắc người Nam bắn dạ này.  
Thế-sự bằng xăng cờ túng nước,  
Nhân tình tráo chác gió rung cây.  
Giao hòa bởi sóng mưu mô cạn,

Cắt đất nên kiên chí lực dày.  
Ướm hỏi những người trên đất Việt,  
Tấm lòng thiết-thạch há như vầy ?  
Như vầy trung nghĩa bấy lâu nay,  
Dầu những người xưa cũng sánh tầy.  
Trướng vãi lai rai cơn gió thổi,  
Cành thu hiu hắt hạt mưa bay.  
Sông sâu sóng cả thuyền câu dập ;  
Đồng rộng hùm sa lũ chó vầy.  
Kìa nước nọ non, cờ cuộc thế,  
Đầy vơi tròn khuyết có sai vầy.  
Sai vầy cũng bởi cuộc phân băng,  
Quý dự nhân vì lúc ái tăng,  
Gió bụi trăm chiều quen mặt cũ,  
Đá bia một tiết giữ lòng hằng.  
Hòn-Nghê gọi chút tình mây nước,  
Bến-Nghé buồn riêng phận cỏ sương.  
Cung kiếm cầm thư cam hổ phận,  
Sao cho tỏ rạng bậc tài-năng.  
Tài năng chi đó khéo trêu người,  
Cái phận nam-nhi luống nực cười.  
Ngược đậu xuôi đi hiềm thế nước,  
Sâu dầm cạn vén thuận tình đời.  
Quan san dặm thẳng đường liền bước,  
Tùng cúc vườn xưa cảnh nhớ người.  
Tạo-hóa một bầu xoay khí vận,  
Đông qua xuân lại trở mầu tươi.

Mầu tươi sắc tốt dấm se sua.  
Giàu cũng không khoe khó chẳng dua.  
Mấy kỷ tuyết sương bền chí trẻ.  
Chín từng mưa móc gọi ơn vua.  
Thủy-lưu xa ruỗi ngoài ngàn dặm,  
Tông bá cao xây giữa bốn mùa.  
Lời sáng nết cao tùy thuở biển,  
Mặc người lười múa lại môi khua.  
Môi khua khéo học dạng cầu vinh  
Tiêu trưởng <sup>11</sup> cơ trời dễ dấm khinh.  
Ấn hồ xa ban miền Bắc-khuyết,  
Cờ chiêu <sup>12</sup> an dẹp mé Nam-minh.  
Trăm năm bởi gặp khi nguy biến,  
Bốn biển chưa gây cuộc diễm tình.  
Nhà nước một mai xoay vận thái,  
Cõi Nam chung hưởng hội thăng bình.

Đi đôi với những bài thơ Quốc-âm trên ông Phan-văn-Trị còn có một câu đối bằng Hán-văn để lại được nhiều người nhắc đến là câu đối ông Nguyễn-văn-Vĩnh cai-tổng ở Định-bảo có công trong việc dẹp loạn, được triều-đình phong chức quản-cơ, bị bọn Võ-bình-Sâm dấy loạn giết chết năm Đinh-mão (1867).

« Võ kiếm xung thiên, Ba-láng giang đầu lưu hận huyết ; Văn tinh lạc địa, Trà-niên thôn lý đối sầu nhan ».

**Nghĩa là :** « Kiếm võ ngút trời, Ba-láng sông sâu tràn máu hận ; Sao văn sa đất, Trà-niên thôn xóm thấy sầu mang ».

Ngoài những bài thơ đặc sắc, nội dung có tính chất châm biếm, nhưng không kém vẻ hùng hồn và khẳng khái, biểu lộ một tâm hồn lúc nào cũng tha thiết và liên cảm đến vận mạng nước nhà, tài nghệ văn chương và tính tình khoáng đạt của ông Phan-văn-Trị còn được thể hiện qua nhiều câu chuyện khác đáng kể là những giai-thoại trong văn-giới nước nhà :

**a)** Như khi chơi kinh-thành Huế, một hôm cùng mấy người bạn ở Đẽ-đô đi ngắm cảnh sông Hương, thấy người mò ốc nổi lên, rong xáy bám cùng mình, ông Cử liền tức cảnh ngâm rằng :

*« Phú quý Trường-an rong vẩn cổ,  
Phong lưu Kinh-địa xáy đầy đầu ».*

**b)** Như có lần, một người bạn cắc có bảo ông làm thử một bài thơ vịnh « Tứ khoái ». Ấy thế mà ông chẳng những đã không giận, trái lại còn ứng khẩu đọc ngay, tả được bằng 2 câu rất thanh và tài tình :

*« Cơm Phiếu-Mẫu gối Trần-Đoàn,<sup>13</sup>  
Ngửa nghiêng loan phụng, nhẹ nhàng nương long ».*

**c)** Như một hôm trong bữa tiệc giữa các hàng khoa-mục, một ông ra đối : *Sắc nan*. Ông đáp lại : *« Dung dị »*.

Ông bạn kia nói : *« Dung dị thì hãy đối lại xem ? »*

Ông Cử trả lời : *« Thì tôi đã đối lại rồi đó ».*

Ông bạn ra đối, lúc đó mới hiểu ra là ông Cử đã lấy chữ *Dung dị* để đối lại chữ *Sắc nan* của mình, mà vừa đối, lại



vừa có ý cho câu của mình ra đối là tầm thường, vì hai chữ *Dung dị* có nghĩa là dễ lắm, là tầm thường lắm.

Kể đó, lại có một ông vừa ăn quít vừa dặc ý khen :  
« *Quít ngọt, quít ngọt* ».

Đang gắp miếng chả ăn, nghe ông nọ lên tiếng, ông Cử liền họa lại : « *Chả ngon, chả ngon* ».

Câu chuyện tình cờ trở thành một câu đối, khiến mọi người trong tiệc đều cười xòa và nức nở khen hay, cho chữ *chả ngon* đối với *quít ngọt* thì chẳng những tuyệt diệu, mà còn có ý chê ông kia ăn quít chưa sành vị là khác.

**d)** Lại có một lần đi ăn tiệc say rượu về khuya, qua quãng đường vắng bị một tên trộm giựt lấy khăn đóng và chiếc áo dài khoát trên vai. Ấy thế, mà ông Cử chẳng những đã không truy hô, khi thấy nó chạy còn kêu lại ném luôn cho cả dù và giầy, bảo : « *Cho chú cả đó, để đủ bộ mà đi diện với đời* ».

Nói rồi ông đi thẳng. Có lẽ cử-chỉ ấy đã làm tên trộm phải suy nghĩ, rồi sau hăn biết ông là Cử Trị ; cách ít hôm, một buổi sáng, người nhà ông thức dậy, đã thấy tất cả những vật bị mất đều đem đến bỏ tại trước hè để trả lại.

**đ)** Những giai thoại về ông kể ra còn nhiều. Nhưng lý thú và lịch-sử hơn hết là chuyện văn chương với tên Tổng-đốc Trần-bá-Lộc. Số tên là phản-quốc này từ lâu vẫn nghe danh ông là người cứng cổ, không hề sợ một ai, thường hay dùng thi văn để đả kích những người đi ra làm việc cho chánh-phủ Tân-trào, mà đả kích ra mặt, chứ không quanh co úp mở gì. Y ta nghĩ tức, nên khi quân Pháp bình định

được 6 tỉnh miền Nam, một bữa nọ, nhân đi có việc xuống Vĩnh-long, y liền cho lính đến mời ông lên nói : « *Nghe đồn ông làm thơ hay lắm, vậy tới đây ông hãy xuất khẩu làm một bài nghe thử xem được không nếu không thì đây đã có luật-phép của chánh-phủ* ».

Ông trả lời : « *Quan lớn muốn tôi ứng khẩu làm, thì cứ việc ra cho đầu-đề* ».

Sẵn tính lưu manh của kẻ mất dạy trong cùng mình nên nghe thế, tên Lộc liền trắng trợn nói : « *Cục cứt* ».

Hắn tưởng với các đầu-đề tục tũn ấy là vừa đưa ra để khinh thường ông Cử, vừa để lên mặt tự cao tự đại, vừa cho như thế là ông Cử Phan sẽ không sao làm được. Song vô quít dầy đã có móng lay nhọn, tên bán nước đã dựa vào thế giặc để lên mặt ra oai, thì đây đã có thứ vũ khí văn chương, thứ này tuy mềm nhưng nếu biết dùng và khéo dùng, cũng có thể đâm thủng được những tấm da mặt dày của những kẻ lòng lang dạ thú. Chính ông Cử thật đã khéo dùng vũ-khí ấy, nên tên Lộc vừa há họng dứt, ông ứng khẩu đọc ngay :

*« Dương cơ bọn rận ló đầu ra,  
Người thấy ai mà chẳng sợ va.  
Cậy thế vắt lưng ngồi vít đóc,  
Rồi đây sẽ bị chó liềm tha ».*

Là 4 câu vịnh đầu-đề trên, nhưng nội-dung thật là xứng đáng với con người của Lộc. Tên này, không biết có hiểu như thế là tả cảnh mình không, hay hiểu mà giả đồ như không biết gì đến, cho đỡ bị tiếng đồn loang ra.

Hắn thả ông về. Câu chuyện, sau đó được truyền đi, ai ai cũng phục tài ông, và phục nhất, ở trước mặt một tên phản-động, uống máu đồng-bào không biết gớm, mà ông vẫn bình tĩnh khảng khái, giữ được tư-thể và phong-độ của mình, chẳng những thế thôi, còn không bỏ lỡ cơ-hội để vạch ra ánh-sáng, cái bộ mặt thúi tha nhơ-bẩn của kẻ xu thời tuấn thế, bán nước hại dân ấy.

\*

Qua những giai-thoại, những văn thơ trên, thiết tưởng không cần phải nói nhiều, chúng ta cũng dư biết ông Phan-văn-Trị có tài-năng và đức-tính ra sao. Thật quả là một người kỳ-tài trong giới văn-học ở giữa buổi giao thời Pháp Nam.

Có người thấy ông đồ cao, nhưng ẩn ở một nơi, dạy học, đi câu, và tự ví mình với Nghiêm-tử-Lăng ở đời vua Hán-quang-Vũ bên Tàu xưa, không chịu ra làm quan ; rồi cho ông là người có tư-tưởng chán đời. Nhưng thực ra không phải, Ông chỉ có chán bước chân vào chốn hoạn-trường thôi với những cái bôn ba và cầu cạnh trong đó. Chớ đối với việc chung của nước nhà, của dân-tộc, ông không chán chút nào. Tâm-hồn ông, trí não ông, lúc nào cũng dính liền với những biến cố của thời-đại, những cảnh-ngộ của dân-tộc. Tư-tưởng ông, lập-trường ông bao giờ cũng thủy chung như-nhất đứng về phía nhân-dân. Xuất thân khoa bảng, gặp lúc nước nhà bị ngoại-bang dày xéo cướp phá, ông không làm được những việc như các ông khoa-mục Đỗ-trình-Thoại, Nguyễn-hữu-Huân, Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, v.v... Nhưng hơn các ông khoa-mục khác ở đồng thời, ông

đã dám làm vì bốn phận, nghĩa là đã chiến đấu và công khai chiến đấu với kẻ thù của dân-tộc trên chiến-trường văn-ngệ, và đã dứt khoát đứng hẳn về chính nghĩa, về phía của nhân-dân kháng chiến, chứ không e sợ rụt rè, hoặc lưng chừng thấp thỏm như một phần đông sĩ-phu khác.

Khi ông mất, có người khóc ông một bài thơ Đường-luật :

*« Một đời oan chịu đã mòn hơi,  
Hà hưởng oan oan tới chín đời.  
Văn-học có thừa thương những kẻ ;  
Công danh chẳng toại tiếc cho người.  
Dinh hư tiêu trưởng đều nơi mạng ; <sup>14</sup>  
Đắc tắng cùng thông tượng bởi trời. <sup>15</sup>  
Uổng dẫu tài-hoa giòng thế phiệt,  
Ra tuồng lưu lạc khắp nơi nơi ».*

Văn-học có thừa mà công-danh chẳng toại ; con người tài hoa, giòng dõi thế-phiệt mà phải chịu lưu lạc nay đây mai đó, khắp nơi vì số vận. Người ta tiếc cho ông như vậy. Nhưng thực ra, chính tài hoa ấy và sức văn-học ấy đã tạo cho ông một địa vị khá quan-trọng trên lịch-sử nước nhà, nghĩa là trong lúc quốc loạn, ông đã sử dụng được nó để đánh với kẻ thù, góp công hăn-mã vào cuộc kháng-chiến của toàn dân. Cuộc bút-chiến của ông-với Tôn-thọ-Tường, không ai chối cãi được rằng, đó không phải là một công-tác ở trong một giai-đoạn trên lịch-sử giải phóng dân-tộc.

Cho nên nói đến ông Phan-văn-Trị, ngoài cái danh-dự là một nhà thơ danh tiếng ở Đồng-nai, Bến-nghé, chúng ta

còn phải thấy ông là một sĩ-phu yêu nước, một chiến-tướng  
số một trên chiến-trường văn-ngệ ở hậu bán thế-kỷ 19.

### III. Giới thiệu Tôn-thọ-Tường

Là con thứ ba của một gia-đình thế-gia, vọng tộc, tổ tiên trước đã có công với nhà Nguyễn, đã từng là vọng-các công-thần đời Gia-long, và bốn đời liền cũng kế tiếp làm quan. Tôn-thọ-Tường theo Pháp làm quan đến chức Đốc phủ-sứ, nên đời thường gọi là Đốc-phủ Ba-Tường.<sup>16</sup>

Người làng Bình-dương, phủ Tân-bình, tỉnh Gia-định, Tôn-thọ-Tường sinh năm Ất-dậu tức năm Minh-mệnh thứ sáu dương-lịch 1825, lớn hơn Phan-văn Trị 5 tuổi. Thân-phụ là Tôn-thọ-Đức làm quan đến chức tuần-phủ tỉnh Thuận-khánh (Khánh-hòa – Bình-thuận), thân-mẫu là bà Lê-thị-Xuân.

Con nhà quan-lại, cũng bẩm-tính thông minh và sinh cũng gặp thời mọi việc trong nước đều được sửa sang tu chỉnh lại, nhất là về phương diện văn-học nhưng khác hơn Phan-văn-Trị, Tôn mãi chơi bởi phóng đãng cho đến năm 30 tuổi mới nghĩ đến việc lập công-danh.

Năm 15 tuổi, thân-phụ Tôn từ trần, cảnh gia-đình Tôn bắt đầu từ đó mỗi đi dần vào hoàn-cảnh túng thiếu.

Năm 30 tuổi, tức năm 1855, Tôn thi hương bị hỏng, liền ra Huế, xin tập ấm làm quan. Tôn định tìm cách tiến thân bằng việc dựa vào công lao của ông cha. Tôn xin tập ấm làm quan văn, nhưng triều-đình Huế lại cho tập ấm làm quan võ. Không được toại nguyện, Tôn bất mãn, không nhận chức, bỏ về.

Gặp khoa hương-thí, Tôn lại vác lều chõng vô trường. Nhưng thay vì để thi cho mình, Tôn lại ăn tiền, đội quyền đi thi cho người khác.

Việc bại lộ, Tôn bị bắt giải về kinh trị tội. Trên đường đi, Tôn cảm cảnh nông nổi mình làm một bài thơ sau :

*« Trãi bảy mươi hai trạm tới kinh  
Bao nhiêu tân khổ, bấy nhiêu tình.  
Vì nhà túng rồi nên quyền biến ;  
Phép nước rắn dè há dám khinh  
Gió bụi đất từng quen với mặt ;  
Nắng mưa trời có thấu cho mình.  
Chín từng cao vọi dầu soi xét ;  
Ơn xuống may khi gặp phước linh ».*

Bài thơ này được thấu tai vua Tự-đức. Nhà vua thấy Tôn người có tài, lại xét về công-lao của gia-đình, nên chẳng những đã ân xá, còn cho Tôn 50 lượng bạc làm lộ-phí trở về.

Có tiền trong túi, Tôn trở về, mở một thi-xã để cùng các bạn làng văn thơ chơi bời và xướng họa. Do đó, Tôn trở thành bạn thanh-khí với các tay học nổi tiếng ở đương-thời như Phan-hiển-Đạo, Bùi-hữu-Nghĩa, Huỳnh-mẫn-Đạt, Nguyễn-đình-Chiếu, Phan-văn-Trị, Nguyễn-hữu-Huân, v.v...

Quan tỉnh Bình-thuận là bạn đồng liêu với thân-phụ của Tôn, thấy Tôn người có tài, nên gửi thư về triều xin bổ Tôn làm Thông-phán, để giúp Tôn giải quyết sinh-kế và nhờ miếng đất đó để phát triển tài năng, bước chân vào con đường công-danh sự-nghiệp. Nhưng đề-nghị ấy bị bộ Lại

bác bỏ vì lẽ Tôn là giòong dôi thể-phiệt, là người tài hoa, nhưng đã phạm phải thành-tích bất hảo mới rồi ở trong kỳ thi Hương.

Bị thất bại về việc này, Tôn lại chứa thêm một bất-mãn nữa ở trong người. Vật cùng tắc biến, những bất-mãn ấy lâu ngày chồng chất, lại ở một con người bản-tính ăn chơi phóng đảng không chừa được, nên khiến Tôn ngày càng phần uất, và những phần uất ấy đi dần tới những hành-động không được tốt-đẹp gì cho thân-thể và sự-nghiệp của mình.

Năm 1862, sau khi bắt buộc được triều đình Huế phải ký nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam-Việt, để mua chuộc lòng dân, người Pháp kêu gọi các văn-thân và sĩ-tử ra giúp việc cho chúng. Nhưng trong hàng ngũ các văn-thân và sĩ-tử ở miền Nam lúc đó chỉ có 2 người nghe theo tiếng gọi ấy tức Tôn và một người nữa là tiến-sĩ Phan-hiển-Đạo, nhưng ông này sau hồi hận, trở về quê nhà tại làng Vĩnh-kim-đông (Chợ-giữa, Mỹ-Tho) uống thuốc độc tự tử. Chỉ còn trơ lại có mình Tôn.

Tôn được người Pháp trọng dụng, được bổ nhậm làm Tri phủ Tân-bình. Năm ấy Tôn 37 tuổi. Tôn tự cho như thế là rộng mây gặp hội, là thức thời vụ. Nhưng người Pháp tin nhiệm Tôn bao nhiêu thì trái lại các sĩ-phu hồi đó, oán ghét Tôn bấy nhiêu. Cái thi-xã của Tôn lập ra cũng tan rã từ đó vì dưới mắt của các hàng văn-thân và sĩ-tử đương thời, Tôn đã trở thành một con người có tội với quốc-dân, nghĩa là Tôn đã xóa bỏ cả luân-thường, đạo-lý của gia-phong, và thánh hiền đã dạy, nghĩa là Tôn đã đi ra phản lại đồng-bào.



Vào khoảng đầu năm 1863, Tôn vâng lệnh của tướng giặc là Bonard viết thư khuyên ông Thủ-khoa-Huân, người cầm đầu Nghĩa-quân kháng chiến ở Mỹ-tho, nên hạ khí-giới, về cộng tác với chánh-phủ Tân-trào. Kết quả, chẳng những không thành, Tôn còn bị ông Thủ-khoa trả lời mắng lại, cho những hành động của Tôn là vô quân, vô phụ, đã đem mình đi làm tay sai cho giặc, không biết lấy thể làm nhục nhã cho danh-giá của con người Nho-học, lại muốn lôi kéo thêm những người khác đi vào một con đường bất chính.

Tháng 6 năm ấy, phái-bộ Phan-thanh-Giản đáp-tàu Echo của Pháp từ ngoài Đà-nẵng vào Saigon để sang tàu Européen đi Pháp điều-đình xin chuộc lại 3 tỉnh miền Đông. Cùng với Trương-vĩnh-Ký, Tôn được người Pháp chọn làm thuộc viên đi theo sứ-bộ ấy. Trên đường theo sứ-bộ, Tôn có làm bài thơ tức cảnh :

*« Múa gươm quăng chén cất mình đi,  
Bịn rịn đâu màng thói nữ-nhi.  
Mây khói một màu thuyền thoát thoát,  
Biển trời muôn dặm núi ti ti.  
Phương xa xe ngựa lừa khi đến.  
Nước cũ non sông ngóng lúc về.  
Tên cỏ cung dâu là chí trẻ,  
Danh mà chi đó lợi mà chi ? »*

Năm 1867, các tỉnh miền Tây bị lọt vào tay Pháp. Kinh lược-sứ Phan-thanh-Giản uống thuốc độc tự tử. Cách ít tháng sau, 2 người con trai cụ là Phan-Tôn, Phan-Liêm tự hợp Nghĩa quân nổi lên đánh Pháp ở các tỉnh Bến-tre, Trà-

vinh, Vĩnh-long, Sa-đéc. Tôn được tướng giặc, De la Grandière sai đi dụ hàng. Nhưng việc ấy không thành.

Năm 1868, ông Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa ở Cần-Thơ bị Pháp bắt giải về Gia-định, vì nghi có nhúng tay vào việc khởi-nghĩa của văn-thân ở các tỉnh miền Tây. Cùng với tổng-đốc Đỗ-hữu-Phương, Tôn can thiệp với nhà binh Pháp xin tha cho ông Bùi. Việc này có kết-quả, Tôn được ông Thủ-khoa đáp ơn bằng một bài thơ sau :

*« Cửa rồng mừng đặt một phen lên,  
Trân trọng cầm bằng khách bực trên.  
Mặt mũi chẳng từng non nước lạ,  
Râu mày sánh với ruộng vườn quen.  
Riêng vui mây trắng hiềm khôn lặn,  
Chung đội trời xanh dễ dám quên,  
Người, tở hãy còn khi gặp gỡ,  
Dặn lòng vàng đá hỡi cho bền ».*

Sau khi đặt được bộ máy cai-trị ở các tỉnh miền Nam, người Pháp thăng Tôn lên chức Đốc phủ-sứ, và cử vào dạy Hán-văn trường Hậu-bổ (Collège des Stagiaires). Năm ấy là năm 1871. Ba năm sau tức năm 1874, Tôn được cử ra giúp việc cho lãnh-sự Pháp ở Hà-nội là De la Kergaradec. Rồi đến năm 1877 tức năm Tự-đức thứ 30, Tôn bị bệnh rét rừng chết ở ngoài đó. Thi-thể của Tôn được người Pháp nhớ công lao, cho đem xuống tàu chở về táng tại quê nhà, nay thuộc làng Phú-nhuận, huyện Tân-bình tỉnh Gia-định.

Tôn hưởng thọ được 52 tuổi.

Cuộc đời của Tôn không có gì đặc sắc cả về tiếng thơm lẫn tiếng xấu. Nhưng còn được tên tuổi để lại đến bây giờ là do cuộc bút chiến giữa Tôn với một số các văn-thân, sĩ-tử đương thời, nhất là với ông Phan-văn Trị, người đã thẳng thắn và mạnh bạo lên án những tư tưởng và hành-động của Tôn, mà trong cuộc bút-chiến lịch sử này, chính Tôn là người đã gây ra.

Bình sinh, Tôn thích làm thơ và làm cũng khá nhiều. Ngoài những bài trong cuộc bút-chiến và những bài đã nói trên, trong văn-học-sử nước nhà, người ta còn thấy có bài sau này của Tôn.

### **1. « NÚI VỌNG-PHU »**

*Hình đá ai đem đặt biển Đông,  
In hình nhi-nữ, dạng ngồi trông.  
Da dồi phấn tuyết phơi màu trắng,  
Tóc gội dầu mưa giữ bụi hồng.  
Ngày ngấm gương ô soi đáy nước ;  
Đêm cài lượt thỏ chải trên không,  
Đến nay tuổi đã bao nhiêu hử ?  
Trạc trạc bèn gan chẳng lấy chồng.*

### **2. « CHÙA CÂY MAI »**

*Đau đớn cho mai cách dưới đèo  
Mười phần trong sạch phận cheo leo  
Sương in tuyết đóng nhành thưa thớt  
Xuân đến thu về sãi quạnh hiu.  
Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế.  
Tò le kèn lạ mặt trời chiều.*

*Những tay rượu thánh, thơ thần cũ,  
Trông cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu.*

### **3. « THÀ GẶP CỌP, CHẲNG THÀ GẶP BẠN »**

*Kết lữ năm ba bạn cặp kè,  
Duyên đâu giải cấu kéo thè be.  
Đã bưng bít mặt cùng trời đất,  
Sao hổ hang lòng với ngựa xe.  
Trẻ lẫn thần dạo qua đàng liễu,  
Già bơ vơ ở dưới cội hoè.  
Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ,  
Hùm dữ non cao cũng chẳng thè.*

### **4. « ĐI GIÀ ĐI TU »**

*Chày kinh chợt tỉnh giấc Vu-san,  
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng.  
Đài kính biếng soi máu phấn lạt,  
Cửa không đành gởi cái xuân tàn.  
Chạnh niềm hoa liễu vài câu kệ ;  
An cảnh tang du một chữ nhàn.  
Ngành lại đầu xanh thương những kẻ.  
Trầm luân chưa thoát nợ hồng-nhan.*

### **5. « GÒI TÌNH NHÂN »**

*Vườn xuân vắng chủ lậu tình mai.  
Bướm cũ hoa xưa lựa ép nài  
Lời hẹn đã đành chờ kiếp khác  
Gió trắng quên khách e nhiều nỗi,  
Đinh sắt rèn lòng dễ mấy ai.*

*Gành gổ gớm cho tay tạo hóa ;  
Phanh phui nên nổi sắc xa tài.*

## **6. « VỊNH THÚY-KIỀU »**

*Mười mấy năm trời nhục trả xong,  
Sông Tiền-đường đục hóa nên trong.  
Mảnh duyên bình lãng còn nong nả.  
Chút phận tang thương lắm ngại ngùng  
Chữ hiếu ít nhiều trời đất biết,  
Mảnh tình nặng nhẹ chị em chung.  
Soi gương thiên-cổ thương mà trách,  
Chẳng trách chi Kiều, trách hóa-công.*

## **7. « KHÓC ĐẦU HẠNG-VƯƠNG »**

*Trăm hai non nước một gương thần,<sup>17</sup>  
Hết giận thôi mà khóc cố-nhân.<sup>18</sup>  
Con mắt bốn người nhìn với mắt,<sup>19</sup>  
Cái thân tám thước tủi bao thân.  
Bát canh Quảng-võ ơn còn nhớ<sup>20</sup>  
Chén rượu Hồng-môn lệ khó ngăn.<sup>21</sup>  
Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo,  
Mặc ai rằng giả, mặc ai chân.*

Bài thứ 7 này, theo ông Nhất-Tâm tác-giả quyển Phan-văn-Trị do nhà xuất-bản T.V. mới xuất-bản gần đây thì đó là thơ của Tôn làm để khóc Phan-văn-Trị, khi được tin ông này tạ thế. Nhưng xét lại không đúng, vì năm Tôn mất là năm 1877, còn năm ông Phan tạ thế là năm 1910. Như thế là

Tôn đã chết trước 33 năm kia rồi. Còn đâu mà làm thơ để khóc.

Những bài thơ của Tôn tuy nội-dung không được sâu sắc và mạnh mẽ bằng của Phan-văn-Trị. Nhưng về phương diện nghệ-thuật, không kém phần điêu luyện chải chuốt.

Đọc những tác-phẩm trên, chúng ta thấy rõ Tôn là một người tài hoa nho nhã. Nhưng tiếc thay, với tài-hoa ấy, Tôn lại đi ra phục vụ cho một cuộc chiến-tranh phi nghĩa. Giá phải Tôn đứng về phe chánh-ngĩa, phe của nhân-dân, thì tài-hoa ấy của Tôn còn được nẩy nở biết là bao, cũng như thân-thể và sự-nghiệp của Tôn cũng sẽ do đó mà tiếng thơm muôn đời.

Ngược lại, không thể. Giữa lúc đất nước bị xâm lăng dày xéo, nhân dân nổi dậy ; là một sĩ-phu, Tôn đã không thực sự thông cảm được những đau khổ của đồng-bào, tang tóc của non sông, trái lại còn nổi giáo thêm cho lũ quân cướp nước. Đối với kẻ thù không đội trời chung của dân-tộc, Tôn đã không đủ nghị-lực và tinh-thần để lướt mọi cực khổ gian nguy, tiến lên làm tròn nghĩa-vụ người dân nước, trái lại thừa lúc loạn, Tôn xuất đầu lộ diện đi ra theo giặc để mưu ích lợi riêng trong khi cả nước đương sôi lên vì ý chí giết giặc.

Tư-tưởng của Tôn đã thể hiện bằng hành-động rõ rệt như thế, trách sao, các sĩ-phu hồi đó không khỏi đánh thấp giá-trị con người Tôn.

Tục truyền, khi được làm quan ở Saigon, có một buổi chiều nọ Tôn ngồi xe song-mã đi dạo chơi thành-phố. Tới

chỗ Bồn-kèn tức góc hăng Charner bây giờ, Tôn thấy ông Cử Huỳnh-mẫn-Đạt, nguyên tuần-phủ Hà-tiên đang đứng ở ven đường xem lính đánh kèn, Tôn vội vàng dừng xe bước xuống.

Thấy Tôn ở đằng xa đi tới, ông Huỳnh muốn tránh không cho Tôn gặp mặt, nên nép lại gốc cây, kéo sụp cái nón đang đội trên đầu xuống. Tôn nhìn thấy biết là ông Cử muốn tránh mình vì mình ra làm quan với Pháp. Nhưng cũng bước lại chào. Ông Huỳnh-mẫn-Đạt không tránh được, nên ngâm một bài thơ tức cảnh :

*« Cừu mã năm ba dạo cặp kè ;  
Duyên đâu giải cấu khéo đề ne  
Đã cam bít mặt cùng trời đất.  
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.  
Hón hở trẻ dong đường dậm liễu,  
Lơ thơ già núp cội cây hoè.  
Sự đời thấy vậy thì hay vậy,  
Thà ẩn non cao chẳng biết nghe ».*

Với 8 câu thơ này, ông Huỳnh có ý châm biếm sự vinh-hoa phú-quý của Tôn. Nghe xong, Tôn liền đáp lại cũng bằng 8 câu sau để bày tỏ nỗi tâm sự đau khổ của mình :

*« Tình cờ gặp gỡ bạn tiền liêu ;  
Thi phú ngâm nga hứng gió chiều.  
Thế cuộc đổi dời càng lắm lắm ;  
Thiên-cơ mầu nhiệm hãy nhiều nhiều,  
Nước non dường ấy, tình dường ấy,  
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.*

*Hăm hờ nhạc Tây hơi trời mạnh,  
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu chiều ».*

Nghe xong, ông Huỳnh lại đọc luôn bài nữa, tỏ ý không muốn gặp mặt Tôn, không muốn nghe những lời biện bạch nhằm tai mũi của Tôn, và mĩa-mai Tôn là một kẻ dối dờ, tư-cách không được bằng giò nát :

*« Ngoài tai phải, quấy vẫn nhằm nghe,  
Cuộc lợi đường danh ỏi giọng ve.  
Hớn hờ trẻ giọng qua dậm liễu,  
Thần thơ già núp cội cây hoè.  
Đã ham giấu mặt cùng non nước,  
Đâu dám nghiêng mình với ngựa xe.  
Chớ nói dối dờ, sao cốt-cách ?  
Xưa nay nát giò vẫn còn tre ».*

Tôn nghe bài thơ ấy, nghĩ lại càng đau lòng, càng tủi cho thân phận, và thậm trách anh em bạn bè sao đối với mình lại quá đến như vậy. Vì thế, nên sau đó, Tôn mới có bài thơ *Thà gặp cọp, chẳng thà gặp bạn* như trên kia đã chép.

Ông Huỳnh-mẫn-Đạt gặp Tôn thì muốn tránh đi cho rảnh mắt. Còn đối với Nguyễn-đình-Chiêu thì Tôn gửi quà và tiền đến để biếu đặng giúp cảnh gia đình cụ đương lâm vào hoàn-cảnh túng bấn, nhưng cụ nhất định không chịu nhận. Có lần, Tôn gửi một hũ mứt, kèm theo một bức tâm-thơ nói của vợ làm ra gửi biếu, tha thiết yêu cầu nhận. Cụ Nguyễn-đình-Chiêu bằng lòng. Nhưng khi ăn xong, người nhà cho biết dưới đáy có vàng, cụ liền sai trả lại, và viết thơ



trách Tôn sao đã làm nhục đến thanh-danh của mình như vậy.

Tôn mặc dầu là một người theo Pháp bị anh em bè bạn khinh ghét, hết người này công kích, đến người kia đả phá. Nhưng trước sau Tôn vẫn giữ một lòng đối xử lại rất tốt, không hề dựa vào quyền-thế, để lên mặt. Bị anh em chê bai chửi náo thì Tôn lại tự mình cố gắng để thanh minh và bào chữa, chớ không dựa vào oai hùm để đối lại như bè lũ tiểu-nhân khi đắc thế gặp thời. Cũng như đối với đồng-bào, mặc dù là theo Pháp, nhưng Tôn không có hành-động dã man như bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc, Nguyễn-Thân, Hoàng-cao-Khải, Đỗ-hữu-Phương, v.v...

Tôn theo Pháp, ở trước dư-luận, Tôn cố bào chữa cho việc làm của mình là ngộ biến tòng quyền. Nhưng thực ra, đó chỉ là một luận-điều đưa ra để đánh trống lấp đi những hành-vi không tốt của mình. Vì đối với hoàn-cảnh xã-hội lúc đó, sự ra làm việc với người Pháp Tôn muốn hay không, là tự ý, ngoài ra không có một sự gì ép buộc hay giàng thúc chi hết.

Còn nói rằng thế nước lúc đó, đã không thể gỡ được như cờ gặp nước bí, nên Tôn phải ra làm với Pháp để thực hành ý định thì đó lại càng là không đúng. Khi Tôn xuất đầu lộ diện ra làm việc cho cái chánh-phủ gọi là tân-trào, lúc đó người Pháp mới lấy được 3 tỉnh miền Đông. Lực-lượng của Pháp khi ấy có hùng hậu. Nhưng lực-lượng của ta chưa đến nỗi phải hoàn toàn thất bại. Các tỉnh miền Tây vẫn còn, triều-đình vẫn còn, các tỉnh ngoài Trung Bắc vẫn còn, và các cuộc nổi dậy của Nghĩa-quân vẫn còn mạnh, còn làm cho

quân Pháp phải nhiều phen thất bại khá nặng, khiến Thống-tướng giặc là Bonard phải liên tiếp gửi thư về Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ-tam yêu cầu nên tìm cách nghị hòa, chớ không nên theo đuổi một cuộc chiến-tranh xa xôi và mạo hiểm. Như thế nghĩa là thế cờ của Việt-nam lúc đó vẫn còn nhiều hy-vọng chiến-thắng và chắc thắng, nếu Triều-đình biết sáng suốt nhận định tình thế, và kịp thời sửa đổi chính-sách, chủ-trương một đường hoạt-động mới cả về quân-sự lẫn chánh-trị.

Có người bảo Tôn sở dĩ phải ra làm việc với người Pháp như thế là để giải quyết vấn-đề sinh sống của gia-đình. Nhưng gia-đình Tôn mặc dù lúc đó bị lâm vào túng thiếu, nhưng cái túng thiếu ấy vẫn chưa đến nỗi phải bắt buộc Tôn đi ra hàng giặc mới tìm được phương kế giải quyết. Và chẳng nếu thực việc đó là một động-cơ chính thúc đẩy những hành-động của Tôn thì đó chỉ là một công việc tạm thời. Cớ chi Tôn lại theo Pháp cho đến cùng, cho đến ngày tắt thở mới thôi. Ngay đến việc tự tử của ông Phan-hiễn-Đạo như trên kia chúng tôi đã nói, Tôn cũng cầm bằng như không thấy hối hận gì ráo. Nếu có trước cái chết của người đồng thuyền đồng hội ấy, Tôn đã rút lui không còn làm việc cho giặc nữa.

Còn có người nói việc làm của Tôn là một hành-vi vượt hẳn ra ngoài phạm-vi, của luật lệ Nho-giáo. Và hành-vi ấy của Tôn là yêu nước, là muốn tìm một phương khác để một là thực hiện ý định, hai là để mưu hạnh-phúc cho đồng-bào. Song nếu vậy, Tôn đã bước sang một địa-hạt đạo-giáo nào rồi sao ? Nếu thế, chỉ có Nho-giáo là dạy bảo con người phải

trung vua, yêu nước, phải chống với kẻ thù, và như thế là sai còn ngoại giả các đạo-giáo khác đều trái lại cả sao ?

- Và thế nữa, những hành-động như của bọn Trần-ích-Tắc xưa khi thấy giặc Nguyên mới sang đã vội đầu hàng, cũng là thức thời, là ngộ biến, và là đã thoát hẳn ra ngoài những luật-lệ của Nho-giáo đấy sao ? Cho nên phải nói những hành-động của Tôn là hành-động của kẻ đã phản bội Nho-giáo, phản bội dân-tộc, tự Tôn xóa bỏ tất cả những luân lý ở đời, vì chính Tôn trong cuộc bút-chiến, cũng tự thú nhận rằng mình là kẻ lỗi đạo hăng, là kẻ đã nhắm mắt đưa chân, gặp túng làm liều, thân còn chẳng kể, kể gì danh.

Vả chẳng, để mưu hạnh-phúc cho đồng bào, mà Tôn chủ trương theo giặc, đi ra làm việc với chúng, ngay từ lúc thế nước còn nhiều hy-vọng chuyển lại được, rồi vâng lệnh Pháp, Tôn đi dụ hàng ông Thủ-khoa Huân, các ông Phan-Tôn, Phan-Liêm, bảo hạ khí-giới, trở về với chánh-phủ « tân-trào ». Như thế, lòng yêu nước, và việc mưu hạnh-phúc cho đồng-bào của Tôn có khác chi là đem bày con đồ gởi miệng cọp, rồi bảo cứ nằm yên, để cho cọp tự do hành động, chớ chống lại, vô ích.

Tôn là người xuất thân trong hàng ngũ văn-thân, sĩ-tử, chắc cũng thừa hiểu những chuyện chánh, tà trên lịch-sử, ấy thế mà vẫn đi, đi mãi vào con đường bất chính. Chỗ đáng trách nhất ở Tôn, đã biết việc làm là trái, là không còn gì danh-dự nữa, mà vẫn còn mãi già mồm lên tiếng mượn cớ vì lẽ nọ lẽ kia, để lao mình vào chốn đường đi đầy rẫy những thúì tha nhơ bẩn.

Có người muốn bênh vực cho Tôn, rằng Tôn tuy theo Pháp, nhưng không có những chuyện gì ở ác với quốc-dân, và không đến nỗi quá quy lụy, làm mất nhân-phẩm. Chỗ ấy có thể tha thứ được. Nhưng trong lúc nước loạn, một người thường thôi, cũng còn có trách-nhiệm, giặc đến nhà, đàn-bà phải đánh, không tham gia, đi ẩn một nơi, còn đắc tội với quốc-gia, dân-tộc, huống chi đã không đánh, không ngăn vì không đủ nghị-lực, lại còn đi ra tiếp hơi và nổi giáo cho giặc, nhất, con người ấy lại là Tôn, kẻ có học-thức, có tiếng tăm trong văn-đàn, thi-giới, chớ không phải giá áo túi cơm, vai u thịt bắp gì.

Nói tóm lại, sự đi ra làm việc cho người Pháp của Tôn là một hành-động hoàn toàn do cái tư-tưởng ham danh-lợi, đôi ăn vụng túng làm xằng mà ra.

Cái tư-tưởng chẳng tốt đẹp gì ấy, không phải chỉ thấy ở Tôn khi quân Pháp mới tràn sang, mới chiếm được 3 tỉnh miền Đông, mà trước đó đã bộc lộ ra ở người Tôn một cách khá rõ ràng như việc đi xin tập ấm để làm quan, đi thi mướn để lấy tiền, và đi chạy chọt để kiếm chức thông-phán.

Nếu chúng ta nhận xét kỹ, còn thấy ở Tôn, một con người tầm thường, đã ăn chơi phóng đãng không chừng, lại thiếu cả tinh-thần tự-chủ và tự lực cánh sinh. Trước sau trên bước đường sự-nghiệp, Tôn đều đi theo một ngả là cầu cạnh, lòn lỏi và ỷ lại vào một thế-lực để tìm cách tiến thân, mà ở một người có chí lớn hay có tiết-tháo không một ai chịu làm.

Tôn cho việc mình ra làm việc với nhà nước Lang-sa như thế là thức thời vụ, là sẽ được một số các bạn bè hưởng ứng. Nhưng Tôn đã tính sai nước cờ. Tôn nhìn lại trước sau trong hàng văn-thân sĩ-tử chỉ có mỗi mình và ông tiến-sĩ Phan-hiến-Đạo, song ông này đã sớm dùng chén thuốc độc ở Vĩnh-kim-đông để tự xử lấy mình. Còn lại, Tôn bị cô-độc, một mình phải chịu đựng lấy không biết bao nhiêu những nhát búa rìu của dư-luận.

Tôn hối hận. Nhưng trót vì tay đã nhúng chàm, đại rồi còn biết khôn làm sao đây. Âu đành đã lỡ bước xuống bùn, thì cho nó nhơ luôn một thể.

Vì thế, người ta cũng không lấy làm lạ gì khi mới ra làm việc cho Pháp Tôn tỏ vẻ hăng hái :

*« Múa gươm quăng chén cất mình đi,  
Bịn rịn đâu màng thói nữ-nhi ».*

Nhưng sau đó, trong các bài thơ của Tôn, đều chứa một nỗi niềm tâm sự chán nản và mỏi mệt, khô héo và bẽ bàng. Rồi đến cảnh trời chiều xế bóng, Tôn không khỏi không chua xót ngậm ngùi cho dĩ-vãng của mình. Nhưng biết ăn làm sao nói làm sao bây giờ. Thế nên Tôn phải nhờ đến tạo-hóa soi xét cho lòng mình để gián tiếp thanh minh một lần nữa cho hành-động của mình ở trước dư-luận của đương thời, rồi kể đó là Tôn tự phẩm bình, tự đánh giá, cho mình không khác nào Thúy-Kiều xưa gặp cơn gia-biến phải đem thân « đáng chứa nhà vàng » đi ở chốn lầu xanh, và như người đĩ già đi tu khi nghe tiếng chày kinh, chợt tỉnh giấc vu-sơn :

*« Ngảnh lại lâu xanh thương những kẻ  
Trầm luân chưa thoát nợ hồng-nhan ».*

Song như thế, Tôn lại càng không thể cứu vãn được cho chút nào về danh-dự của mình, vì trường-hợp của Tôn đi ra làm việc cho Pháp, không phải là chuyện bắt buộc, không thể không xong như chuyện gia-biến của nàng Kiều phải bán mình mới có thể gỡ được tội cha.

Còn như người dĩ già cũng vậy, người này đã tỉnh giấc Vu-sơn, đã thôi không ở lâu xanh nữa, đã vào nương bóng cửa Phật rồi, sao Tôn tự ví mình như thế mà sao mái tóc kim sinh đã nửa trắng nửa vàng, Tôn không từ bỏ chỗ hư-vinh, trái lại vẫn còn đeo đuổi làm việc cho Pháp, và đã làm việc một cách thật sự, có công-lao. Nếu không bọn xâm-lược Pháp đâu có đại gì thăng chức Đốc-phủ-sứ cho Tôn, cử Tôn vào dạy trường hậu-bổ, đưa Tôn đi giúp việc cho tòa lãnh-sự ở Hà-nội, và đến khi Tôn nhắm mắt lại cho đem xác xuống tàu để đưa về Gia-định mai táng, mặc dù việc này bọn thực-dân có ẩn một thủ-đoạn chánh-trị trong đó, để tác động tinh-thần những người Việt-nam đang sống và làm việc cho chúng.

## IV. So sánh giữa hai người

Phan-văn-Trị và Tôn-thọ-Tường là hai người cùng thời và cùng nổi tiếng trên thi-đàn của đất nước miền Nam ở hậu bán thế kỷ 19. Cả hai cùng con nhà trâm anh thế phiệt.

Họ Phan thì : « *Áo mũ ba đời ơn rất trọng* ».

Họ Tôn thì : « *Bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng* ».

Cả hai đều cùng túng thiếu và cùng bất mãn về công-danh sự-nghệp.

Họ Phan thì vì tính kiêu ngạo của người có danh-vọng hiển đạt nhưng còn ở tuổi mới lớn lên, nên không được cụ kinh-lược-sứ tiến cử vào con đường hoạn-bộ.

Họ Tôn thì rớt khoa hương-thí, kể xin tập ấm không được như ý nguyện, bỏ về, rồi đi thi mượn lấy liền, việc bị bại lộ, phải bắt giải về kinh. Tiếp đó lại xin làm chức thông-phán, một chức rất nhỏ mà cũng không được bộ Lại chuẩn y cho.

Cả hai đều cùng bất mãn. Nhưng cái bất mãn của Phan là đáng bất mãn hơn, vì Phan là một người đồ cao, năng-lực của Phan đã được thử lửa, và đã có đủ điều-kiện để bước chân ra làm việc nước nhà. Ấy thế mà kết-quả khiến Phan phải chán ngán rồi dứt khoát hẳn, Phan không màng bước chân vào vòng danh-lợi nữa. Với chân khoa-mục như vậy, Phan phải đi ẩn một nơi ; dạy học, làm thuốc, đi câu, tự lực cánh sinh để nuôi tâm dưỡng tánh, làm một kẻ sĩ khoáng đạt ở đương thời : « *Lỗi phải thân ai, lụy chẳng cầu* ».

Tôn cũng bất mãn. Song những bất mãn xét ra không đáng một chút nào. Những chuyện xảy ra làm cản trở bước thang mây của Tôn là do tự nơi mình, không phải ở triều-đình. Riêng việc ăn tiền đi thi mướn, Tôn đã làm một chuyện hết sức là tham ô ám muội. Việc ấy, lý ra Tôn phải tội nặng. Nhưng triều-đình lại khoan hồng, xét theo hoàn-cảnh rồi tha, và nhà vua cho thêm tiền tới 50 lạng bạc để về. Việc này, đáng lẽ Tôn phải minh tâm khắc cốt. Ấy thế mà Tôn lại chẳng tu tỉnh, chẳng làm được gì cho ích nước lợi dân, hoặc để kéo lại danh dự mình, trái lại còn nuôi những bực tức trong lòng, rồi chồng chất từ cái này đến cái kia, dùng một cái, khi quân Pháp đặt tròng nô lệ lên 3 tỉnh miền Đông, Tôn là một sĩ-phu, trước hơn ai hết đi ra làm việc cho kẻ đã dày xéo non sông và tàn sát đồng bào. Bất mãn với công danh, sự nghiệp, với triều đình, Tôn bỗng trở thành một người bất mãn luôn cả với quốc-gia, dân tộc. Đọc qua bài thơ tức cảnh khi cùng Trương-vĩnh-ký được Pháp chọn làm thuộc-viên theo sứ bộ đi Tây, chúng ta thấy ở Tôn không có một chút nghĩ gì về vận mạng nước nhà, hơn thế nữa, Tôn đã tự mãn với chức của người Pháp ban cho, và tỏ ra rất đắc chí ở trong chuyến đi này.

Họ Phan cũng bất mãn. Nhưng khác hơn Tôn, Phan là người có tánh tình khảng khái, không chịu cầu lụy và luồn cúi, nên cái bất mãn của Phan không sâu sắc và đến nỗi chồng chất như Tôn. Đồng thời cũng khác hơn Tôn, Phan chỉ có bất mãn về bước hoạn-trường thôi, còn đối với việc lớn nước nhà, lúc nào cũng canh cánh bên lòng, dù Phan có lúc



đã chủ-trương tiêu cực, muốn gác ra ngoài tai tất cả những chuyện khó khăn ở trên đời :

*« Dựa bǎi Nghiêm-Lǎng chờ bĩ thái  
Neo gành Lã Vọng nhắp công hầu ».*

Phan chẳng những hơn Tôn mà còn hơn nhiều sĩ-phu khác ở đương thời là gặp lúc loạn, Phan đã gác hẳn được cái bất-mãn của mình ra để chủ tâm theo dõi thế-cuộc, và hòa lòng với những biến-cố của dân tộc... Đặc biệt hơn nữa, trong cảnh-ngộ nào họ Phan cũng giữ vững lập-trường, bảo vệ nhân-cách, không bị nhơ danh vì cặn bã xã-hội nổi lên ở giữa lúc giao thời xáo trộn. Trước sau không một lúc nào tâm hồn bị giao động và đưa đẩy bởi những biến-cố của thời-đại, nhất là trước sức vũ-khí và binh lực của Pháp mà Tôn đã bi quan, đã sợ hãi, đã thối chí, tuyệt vọng ngay từ lúc buổi đầu, rồi đi đến chỗ là cầm bằng không vững, phá tan cả uy-tín và danh-dự một đời.

Nếu đem so sánh về hoàn-cảnh gia-đình ở giữa hai người thì hoàn-cảnh của Phan còn nghèo hơn của Tôn. Xem đó đủ thấy những lý do Tôn đưa ra bào chữa cho đường lối xuất xử là cả một sự gượng gạo lúng túng, không thật với tư-tưởng của mình.

Có người nói chúng ta không nên chấp, vì những hành động của Tôn là do ở tình thế tạo ra. Nhưng thế là sai, là tư-tưởng đầu hàng hoàn-cảnh, gió chiều nào theo chiều ấy. Cái tư-tưởng ấy không nên có bất cứ ở trong một hạng người thuộc giai-cấp nào và trong một thời-đại nào, một hoàn-cảnh quốc-gia, xã-hội nào, vì nó là một thứ tư-tưởng

xấu xa, làm ngăn cản một phần lớn cho bước tiến của loài người mà bất cứ ở đâu, thời-gian nào, lịch sử không trước thì sau cũng phải lên án những con người như thế. Trương-hoàng-Phạm đời Tống bên Tàu, Trần-di-Ái đời Trần nước ta, Hoàng-cao-Khải, Nguyễn-Thân thời Nguyễn mặt, Uông-tinh-vệ, Trần-công-Bác, Laval, Pétain, những tên bù nhìn phát-xít trong trận thế-giới chiến-tranh vừa qua cũng là những hạng người mang trong đầu có những thứ tư-tưởng không tốt đẹp gì ấy. Ta không thể nào bênh vực cho họ là do ở tình-thế xui nên như vậy được. Bọn kẻ cắp lấy vàng giữa chợ trước pháp-luật còn không thể đổ lỗi cho hoàn-cảnh vì đói khổ phải đi làm bậy, huống chi là những người, lòng tham đến đi theo giặc để cầu lấy hư-vinh, và đi ăn trộm cả nước để đem dâng cho chúng.

Cho nên so sánh giữa hai người, chúng ta ngày nay còn thấy rõ thêm, con người ở đời phải có tư-cách và đạo đức làm đầu. Không có điểm này, dù có tài mảy, cũng chẳng những không thành được hữu dụng trái lại còn làm hại cho cả quốc-gia và dân-tộc. Một con người tài hoa như Tôn-thọ-Tường giá biết trau dồi đạo-đức, biết tu tâm dưỡng tính, biết sớm bỏ thói ăn chơi phóng đãng, liều lĩnh, chiến thắng được hoàn-cảnh bản thân, đừng để bị hư-vinh lôi cuốn vào bùn lầy, gai góc, đâu đến nỗi phải mang tiếng ở đời là bất chính, phi nghĩa, không bao giờ có thể rửa sạch được.

Vì thế, ngoài bài học của cuộc bút-chiến ra, trong việc so sánh giữa Phan-văn-Trị và Tôn thọ-Tường này, chúng ta còn rút ra được một bài học làm người, một bài học lịch sử

để tránh dở tìm hay, để kết-quả chẳng những chỉ ích cho riêng mình, mà còn cho cả dân-tộc và xã hội loài người.

## **V. Bảng đồn cân lực lượng**

### **Phía PHAN VĂN-TRỊ (*phía chống lại*)**

Chủ lực quân : Phan văn-Trị

Hộ vệ quân :

- Huỳnh mẫn-Đạt, cử nhân, nguyên tuần phủ Hà-tiên.
- Bùi hữu-Nghĩa, thủ khoa, ở huyện Ô-môn, tỉnh Cần thơ, nguyên Tri-huyện Trà-vang.
- Tú-Lễ, tú tài ở Vĩnh-long.
- Nhiều-Mân, ở Cần-thơ.
- Lê quang-Chiêu, cai-tổng ở Cần-thơ.

### **Phía TÔN THỌ-TƯỜNG (*phía theo giặc*)**

Chủ lực quân : Tôn thọ-Tường

## VI. Nội-dung cuộc bút-chiến

Cuộc bút-chiến đã diễn ra thế nào ?

Như mấy trang trên chúng tôi đã kể đại lược mấy nét về thời sự của nó, và đã giới thiệu sơ qua với các bạn về thân thế cùng sự nghiệp của hai nhân vật chính trong cuộc là Phan-văn-Trị, Tôn-thọ-Tường, một người trong khi quân Pháp tràn sang, thì đứng hẳn về phía của nhân dân kháng chiến, còn một cũng trong thời-đại ấy, nhưng lại vì bất mãn, vì vinh-hoa phú-quý đi vào con đường tối tăm của bọn Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, Đỗ-hữu-Phương, v.v...

Là một sĩ-phu như vậy, ấy thế mà Tôn-thọ-Tường đã chẳng im đi, lại còn cả tiếng dài hơi trước dư-luận, bênh vực cho hành động bất-chính của mình. Do đó, bên cạnh các cuộc chiến-đấu bằng võ-lực của Nghĩa quân lúc ấy, mới có thêm nữa, một cuộc chiến-đấu bằng văn-nghệ, mà chính Tôn là người đã đứng ra khai hấn.

Cuộc bút chiến bắt đầu.

Trước hết, Tôn đưa ra những lý do theo Pháp và tâm-sự của mình trước cơn quốc-biến bằng bài thơ « Tự-Thuật » rất đại cà sa này :

### « TỰ-THUẬT »

*Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây,*

*Trời đất xui chi đến đổi này.*

*Chớp nhoáng thẳng bon giây thép gió*

*Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.*

*Xăng văng thẳm tính thương đôi chỗ,*

Khấp khởi riêng lo biết những ngày.  
Miệng cọt hàm rỗng chưa dễ chọc,  
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay !

Thày lay lại muốn chuốc danh nhờ,  
Ai mượn mình lo việc bá vợ.

Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nở,  
Đàng xa ngày tối tuổi không chờ.

Áo xiêm chán thấy xăn tay thợ,  
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ.  
Rủi rủi may may đâu đã chắc,  
Nhẹ chì, nặng bắc hãy tai ngơ.

Tai ngơ mắt lấp buổi tan tàn,  
Nghĩ sự đời thêm hổ việc mình.

Nghi ngút tro tàn dần đạo nghĩa,  
Lờ mờ bụi đóng cửa tâm-anh.

Hai bên vai gánh ba giếng nặng ;  
Trăm tạ chuông treo một sợi mảnh.  
Trâu ngựa dầu kêu kêu cũng chịu,  
Thân còn chẳng kể, kể gì danh.

Kể gì danh-phận lúc tan hoang,  
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng.

Lên núi bắt hùm chưa dễ láo,  
Vào sông đánh cá há rằng oan.

Người trương mắt ngạo đôi tròng bạc,  
Kẻ ứa gan trung bầy lá vàng.

Chiu chít thương bày gà mất mẹ,  
Cũng là găng gổ, dám khoe khoang.

*Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn.  
Bán dạng khua môi cũng một phần.  
Tơ vắn cánh ruồi kinh chí nhện.  
Gió đưa oai cọp khiếp hơn chồn.  
Siêng lo há đợi cơm kê miệng,  
Vụng tính nào dè nước đến trôn.  
Hay dở chuyện đời còn lắm lỗi,  
Múa men khuyên hãy chớ bôn chôn.*

*Hãy chớ bôn chôn việc cửa nhà :  
Sau này còn ngại nỗi đường xa,  
Ma duồng cơn ngặt lung hai trẻ,<sup>22</sup>  
Trời mồn lòng thương xót một già.  
Lái đã vững vàng cơn sóng lượn,  
Thoi toan đan dệt lúc mưa sa.  
Ở đời chưa dễ quên đời đặng.  
Tính thiệt so hơn cũng gọi là.*

*Cũng gọi là người ắt phải lo,  
Từng hay chịu khó mới nên trò.  
Bạc mộng mênh biển cầu toan bắc,  
Xanh mịt mù trời thước rắp đo.  
Nước ngược chống lên thuyền một mái,  
Gác cao bó lại sách trăm pho.  
Lòng này dầu hỏi mà không hổ,  
Lặng xét thăm soi đã biết cho.*

*Đã biết cho chưa hời những người !  
Khuyên đừng tích hận, chớ chê cười.  
Ví dầu vật ấy còn roi dẫu,*

Bao quản thân này chịu dễ người.  
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,  
Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.  
Khó lòng mình biết lòng mình khó,  
Luôn lỗi công trình kẻ mấy mươi,  
Kể mấy mươi năm nước lễ-văn.  
Rắn dài, heo lớn thế không ngăn.  
Bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng,  
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.  
Hết sức người theo trời chẳng kịp,  
Hoài công chim lấp biển khôn bằng.  
Cho hay đã vậy thì thôi vậy,  
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng.  
Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,  
Lỗi đạo sao cho, đáng mặt thày.  
Đất quét đã đành bia lỗ miệng.  
Chén tràn e nổi trở bàn tay.  
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,  
Mặt trắng xem trời cánh khó bay.  
Chí muốn ngày nào cho đặt toại.  
Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây.

Với 10 bài thơ liên-hoàn trên đây Tôn đã bắn một lúc luôn 10 phát đại-bác vào thành trì tư tưởng của sĩ-phu và nhân dân kháng-chiến. Trong 10 phát đại-bác này, Tôn đã nổ ra được một tràng lý-luận cho rằng tình thế nước non không còn hy-vọng cứu vãn được. Trước sức mạnh của Pháp đi đến đâu khói tàu bay đen lên đến đó, và chỉ chớp nhoáng đã thẳng bon giây thép khắp nơi, công cuộc kháng chiến



của nhân dân chỉ là một trò con trẻ đại dốt, chơi chọc vào miệng cộp hàm rồng, là trò toan lấy thước đo trời, toan bắc cầu qua biển như thế là chuông treo chỉ-mành, là đưa người nhẩy xuống giếng khơi. Tôn tán dương quân-lực và võ khí của Pháp. Tôn cho chuyện kháng-chiến chống ngoại-xâm là chuyện bá vớ là việc làm vô ích. Tôn khuyên hãy nên làm như Tôn, chớ đừng thày lay nữa. Tôn bênh vực hành động của mình là thức thời, là để lên rừng bắt cộp, vào sông bắt cá, là thức thời vụ. Tuổi đã nhiều rồi, đường xa, Tôn phải tính, gặp được cơ hội, Tôn phải bước, chớ để tuổi già xồng xộc đến nơi và chờ khi nước tới trôn mới nhẩy thì làm sao kịp. Tôn khuyên các bạn bè hãy đừng chê trách Tôn. Việc làm của Tôn không phải là không nghĩ đến đạo hăng đâu. Nhưng đạo hăng trước hết là phải nói đến chữ thảo và chữ ngay. Hai chữ ấy chính cơ hội này, Tôn mới có thể lo toàn. Trước tình thế này, dư-luận ai muốn bảo Tôn là trâu ngựa gì cũng được. Việc làm của Tôn đã có quỷ thần và trời đất soi thấu nổi lòng. Giữa lúc bờ cõi tan lành này, con người ta cái thân còn chẳng thể tránh được, hồng chi là cái danh. Chuyện đời còn nhiều sự hay dở sau này sẽ biết, chớ đừng nên bàn tán xôn xao vội.

Nổ ra một tràng lý-luận đại để như thế, Tôn tưởng sẽ đánh ngã được dư-luận về mình của sĩ-phu đương thời. Nhưng danh của Tôn đã chẳng chính, làm sao lời nói của Tôn phát ra nghe thuận được, nhất là những lý-do đầu hàng và gượng gạo ấy của Tôn lại đưa ra giữa lúc ngọn lửa căm hờn và chiến đấu đang như rượu mạnh bốc men trong khắp các tầng lớp nhân-dân trong nước mà giới sĩ-phu lúc đó

được kể như là một lớp người hướng dẫn. Vì thế 10 phút của Tôn vừa bắn ra, liền bị ngay ông Phan-văn-Tri quạt lại bằng một bài sau, cũng luôn một hơi mười phút để họa vắn, trả lời những lý do và luận điệu của Tôn :

*« Hơ thua chưa quyết đó cùng đây.*

*Chẳng đã nên ta mới thế này*

*Bến-nghé quản bao cơn lửa cháy,*

*Cồn-Rồng dầu mặc bụi tro bay.*

*Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,*

*Bủa lưới săn nai cũng có ngày.*

*Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí.*

*Lòng ta sắt đá há lung lay.*

*Lung lay lòng sắt đã mang nhờ,*

*Chẳng xét phận mình khéo nói vợ.*

*Người chí mǎng lo danh chẳng chối,*

*Đứa ngu mới sợ tuổi không chờ.*

*Bài hòa đã sẵn in tay thợ,*

*Việc đánh hơ thua tựa nước cờ.*

*Chưa trả thù nhà đền nợ nước,*

*Dám đâu mắt lấy lại tai nghe.*

*Tai nghe sao được lúc tan tành.*

*Luống biết trách người, chẳng trách mình.*

*Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,*

*Như vậy cũng gọi cửa trâm anh.*

*Khe sâu vụng tính vụng thuyền nhỏ,*

*Chuông nợ to gan buộc chỉ mảnh.*

*Thân có ắt danh tua phải có,*

*Khuyên người ái trọng cái thân danh.*

Thân danh chẳng kể thực thẳng hoang,  
Đốt sập nên tro lụi chẳng còn.<sup>23</sup>

Hai cửa trâm-anh xô sập ngửa,  
Một nhà danh-giáo xáo tan hoang.<sup>24</sup>

Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc ;  
Người khó xằng vãng mới gặp vàng,  
Thương kẻ đồng-văn nên phải nhắc,  
Để ta đâu dám tiếng khoe khoang.

Khoe khoang việc phải mới rằng khôn,  
Kẻ vạy, người ngay há một phần.

Hồng dầu hư lông đâu sợ sẻ,  
Hùm như thất thế dễ thua chồn,  
Người Nhan há sợ dao kề lưỡi<sup>25</sup>

Họ Khuất nào lo nước đến trôn<sup>26</sup>  
Tháy máy gặp thời ta sẽ động,  
Muốn nên việc lớn chớ bôn chôn.

Bôn chôn cũng bởi bận vì nhà.

Dám trách người xưa chẳng tính xa,  
Hăm hở hãy đang hăng sức trẻ :

Chịu lòn e cũng mớn hơi già,

Mồi thơm cá quý câu không nhậy,

Cung yếu chim cao bắn chẳng xa.

Đáy giếng trông trời dương mắt ếch,

Làm người như vậy cũng rằng là...

Rằng là người trí cũng xa lo.

Nhuần nhĩ kinh luân mới phải trò,

Ngay vạy nẻ ra cho biết mực,

Thấp cao trông thấy há rằng đo,  
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,  
Nếp Tổng vừa đầy sách nửa pho.  
Chuốc miệng khen người nên cắc cổ,  
Đạo trời ghét vậy há soi cho.

Soi cho cũng biết ấy là người,  
Chẳng tiếc thân-danh luống sợ cười.  
Ba cỏi may dầu in lại cũ,  
Đôi tròng trông đã thấy không người.  
Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,  
Thợ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.  
Đứa đại trót già đời cũng đại,  
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.

Một đôi mươi uống tính xằng vằng,  
Đất lở ai mà dễ dấm ngăn.  
Nong nả dốc vun nền đạo-nghĩa,  
Xôn xang nào tưởng việc làm ăn.  
Thương người vì nước ngồi không vững,  
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng,  
Gió xằng mới hay cây cỏ cứng,  
Dối theo người trước giữ năm hằng.

Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,  
Cuộc ấy ai xui khéo bận thày.  
Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,  
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.  
Nổi chìm mặc thế tình đầy mỏng,  
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.  
Một trận gió đưa xiêu ngã cổ.

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây ».*

Ông Phan-văn-Trị nổ loạt súng đầu bắn trả lại, cho Tôn là một thằng hoang đã phá tan cả nề nếp trâm anh và danh-giáo gia-đình là kẻ đáy giếng xem trời, là một đứa ngu dại hèn nhát, là một một kẻ bị danh-lợi làm lấp đôi tròng mắt, nên trong khi Bến-Nghé lửa cháy, Cồn Rồng tro bay, mới liều lĩnh không còn kể gì đến thân thể và danh-dự con người, không sợ gì tiếng đời chê trách, miệng thế mĩa mai. Việc nước hiện nay như một thế cờ đương găng, Tôn còn sức tuổi trẻ, chưa chi đã sợ không theo kịp ngày tháng, nếu không phải là một đứa ngu, đâu có vậy. Đã thế đối với anh em bạn bè và cuộc kháng-chiến của nhân-dân, Tôn còn dựa vào thế giặc để giở trò rung cây nhát khí. Nhưng chim hồng đâu sợ bầy di sẻ, đàn còp đâu thua lũ cáo chồn. Là một người học thức ở một nước lễ-văn, con nhà của bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng như thế, Tôn dám đành đoạn để tai ngơ mắt điếc trước những biến-cổ phũ phàng của non sông đất nước, Tôn không bủa lưới săn nai, nuôi muông giết thỏ được, thì sao không cầm miệng nín đi, còn lên tiếng trách người và khoe mình là khôn. Hành-động như thế đến lúc này mà còn xưng mình là đạo nghĩa, là ở cửa trâm-anh. Hay dở đã bày ra đó ? Trời đất quỷ thần nào chứng minh cho những hạng người cắc có vô quân vô phụ ấy. Nếu phải là người, Tôn nên tự xét và tu tỉnh. Như vậy e rằng đến lúc già đời chết đi cũng vẫn còn mang tiếng là chiều lòng ngu dại. Không thể, sau này sẽ hối chẳng kịp đâu.

Luận điệu của Tôn bị dập nát, thế trận của Tôn bị dồn vào một xó. Tiếp đó, ông thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa lại họa

theo phát súng của ông Phan-văn-Trị cho Tôn là một thứ cáo loạn vườn hoang không nên lấy đó mà lung lạc những cây trụ cột của đất nước miền Nam :

*« Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây  
Đâu để giang sơn đến nỗi này.  
Ngọn lửa Tam-Tần phùng đất cháy.<sup>27</sup>  
Chòm mây ngũ quý lấp trời bay.<sup>28</sup>  
Hùm nường non râm toan chờ thuở,  
Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.  
Một góc cảm thương dân nước lửa,  
Đền Nam trụ cả để lung lay ! »*

Và sau đây, một tràng đạn của ông Lê-quang-Chiêu cai Tổng ở Cần-thơ, tiếp đánh cho Tôn là thứ chồn mang lốt cọp, là thứ hạc lộn gà, là người đã lấy bùn bôi mặt không biết cam hổ phận. Hãy coi chừng, không sửa đổi đi, còn khoe danh, có ngày sẽ như cua rặng càng và đút đầu vô máy :

*« Rèn long đình sắt hãy còn đây,  
Nìn nắm cho qua cái hội này.  
Hạc lộn đàn gà thương nỗi kẻ,  
Chồn mang lốt cọp gớm cho bay.  
Lở duyên cá nước toan chờ vận,  
Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.  
Sớm tính che phen ngựa gió cả.  
Cột rường chống chỏi để lung lay.  
Lung lay còn chẳng huống chi nơ.  
Hể đứng anh-hùng chớ nói vơ,*

Vận Hán gần hưng nên phải ần,  
Xe Châu đón rước mới toan chờ,  
Coi thì vị ngỗ tua lòn bóng,  
Gặp thế đương vi <sup>29</sup> sẽ phát cờ.  
Gắng gổ khuyên đời đừng nháo nhác  
Vì danh chưa đạt mới tai ngơ.

Tai ngơ cho khỏi lúc tan tành,  
Thần nghĩ chưa cam bốn-phận mình.  
Thời nọ nhắm còn cơn băng lãng ;  
Đời nào lại chẳng có hùng anh.  
Giết ruồi há nở hoài gươm báu,  
Gài sẻ nên toan buộc chỉ mảnh.  
Bĩ thái xưa nay đà hẳn thấy,  
Khuyên đừng ỷ thế chớ khoe danh.

Khoe danh nhường ấy cũng nên hoang.  
Có thuở như cua phải rụng càng.  
Đôi mặt bằng bùn nhơ đã đáng.  
Đút đầu vô máy chết không oan.  
Đứa ngu mới ở lòng đen bạc,  
Người trí chi lay dạ đá vàng,  
Chưa đặt cướp cờ chìm nhẩn trước,  
Sao bằng mái một giữ khoan khoan.  
Khoan khoan chờ vận mới trai khôn,  
Vội vã làm chi thế mấy phần,  
Hãy ần non cao nuôi sức cạp,  
Lừa khi nước lớn lột da chồn.  
Thày lay có bữa vương trầy miệng.

Lúng cụng ghe ngày bị lở trôn.  
Lòn lỏi theo thời mà xử thế,  
Hể làm việc lớn chớ bôn chôn,  
Bôn chôn vì nóng trả thù nhà,  
Tính chẳng nên gần phải tính xa.  
Cung cứng mấy đời tên bắn yếu,  
Non xanh bao thuở tác cho già.  
Khỏi un há để bày ong loáng,  
Cần chắc chi cho vó ngựa sa.  
Gặp lúc cơ-đồ đem lại cũ,  
Bốn phương hào-kiệt thiếu đâu là.  
Thiếu đâu là kẻ xúm toan lo,  
Trộm dẫu Y, Châu<sup>30</sup> mới phải trò.  
Suy thịnh lẽ trời còn khó liệu,  
Cạn sâu lòng biển thước khôn đo.  
Nghiep truyền Khổng, Mạnh kinh năm bộ,  
Nghề dối Tôn, Ngô sách mấy pho.  
Gặp đặng rõ ràng duyên cá nước,  
Ngàn thu để tiếng ắt thơm tho.  
Thơm tho tiết-nghĩa mới nên người,  
Chớ để ngày sau tiếng nhẽ cười.  
Giúp trị lẽ nào dung đặng gã,  
Trừ loạn rồi có kể chi người,  
Hè qua đóa tốt dang thì héo,  
Xuân lại chồi khô thắm cũng tươi.  
Mặc thế so đo điều phải quấy.  
Khôn bề dạy cả việc mười mười.



Mười mươi đặng bảy biết tư văn,  
Dẫu đến bề nao cũng chống ngăn.  
Nhắm dạng khôn phân người phải quấy,  
Đua tài mới rõ sức thua ăn.  
Đàng xa mới gỏi đi sao tới.  
Sông rộng nhiều tay lấp cũng bằng.  
Gian giảo trời ai theo thói vậy ?  
Miễn ta gìn giữ vẹn năm hằng.  
Năm hằng đạo cả khá nói ngay,  
Giúp trẻ nên danh mới đáng thày,  
Nhà đột mưa đêm khôn khỏe mắt,  
Nước ròng thuyền cạn phải ra tay.  
Đã nguyên rửa ráy như bùn sạch.  
Chi để tương bưng bụi cát bay,  
Phụng gáy non kỳ <sup>31</sup> chờ có thuở,  
Rèn lòng đinh sắt hãy còn đây ».

Bị phản công rồn rập, Tôn đỡ không nổi. Lý luận quyền biến của Tôn bị đánh gãy, vì nó chỉ là một lớp sơn phết ngoài để che những cái xấu xa ham danh-lợi ở trong, mà thường những kẻ khoác áo sĩ-phu hay lợi-dụng để đánh trống lấp những chuyện làm không tốt của mình khi gặp buổi giao-thời xáo trộn.

Bị đánh dồn và bị đuối lý không còn cãi gượng được, Tôn xấu hổ. Thay đổi luận điệu, Tôn không còn dám lên mặt tự khoe và khinh thường cuộc kháng chiến của nhân-dân như trước. Song với bài TÔN-PHU-NHÂN QUY THỰC dưới đây, Tôn lại tự bào chữa bằng một phương-pháp mới cho

mình lúc nào cũng vẫn giữ lòng tốt thủy chung với vua với nước, nhưng lòng tốt ấy nay vì hoàn-cảnh phải tạm gác lại để lo cho tròn bổn-phận với phía đã trót đưa thân gán mình vào, cũng như bà Tôn-phu-nhân lúc nào cũng nhớ anh nhớ mẹ, nhưng có chồng, trước hết phải gánh giang-sơn nhà chồng đã ; như thế mới phải đạo làm người ; mới ngàn năm rạng tiết :

*« Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,  
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông.  
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,  
Về Hán trau tria mảnh má hồng.  
Son phấn thà đem vầy gió bụi  
Đá vàng chi để thẹn non sông,  
Ai về nhả với Chu-công-Cẩn.  
Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng ».*

Như thế, là Tôn đã thú nhận rằng mình là kẻ đứng hẳn về phía giặc để chống lại Triều-đình chống lại nhân-dân, cũng như bà Tôn-phu-nhân xưa đã phải đứng hẳn về phe chồng là Lưu-Bị để chống những hành-động của Chu-công-Cẩn. Nhưng không đúng, vì trường hợp theo Pháp của Tôn không phải như trường-hợp theo Lưu-Bị của bà Tôn-phu-nhân. Trường-hợp của Triều đình và nhân-dân miền Nam đối với Pháp cũng hoàn-toàn không giống một chút nào như trường-hợp Chu-công-Cẩn đối với Lưu-Bị xưa, cũng như trường hợp thực-dân Pháp đối với triều đình Huế và nhân-dân ta lúc đó cũng không phải như trường-hợp của Lưu-Bị đối với Tôn-Quyền. Ai đọc chuyện Tam-quốc còn không hiểu rõ được chuyện này, ấy thế mà Tôn dám đưa mình để so

sánh với hành động của bà Tôn-phu-nhân và ngàn thu cũng để một tiếng tăm như vậy, không phải xấu xa như bản gì. Như vậy thì thật cả gan và liều-lĩnh biết mấy. Vì thế Tôn lại bị ông Phan-văn-Trị đánh trả cho cái chí-khí của Tôn chỉ là một cái chí-khí của những hạng khăn yếm tầm thường, trai ngay thờ chúa, gái ngay thờ chồng, chớ như thế, như về đất Thục để cốt cho má hồng thêm tươi khi tuổi đã mặt trời xế bóng, thì ngàn năm còn rạng tiết cái gì :

*« Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng,  
Mặt giả trời chiều biệt cõi Đông.  
Ngút tảo vàng Ngô in sắc trắng,  
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.  
Hai vai tơ tóc bền trời đất,  
Một gánh cương thường nặng núi sông.  
Anh hỡi Tôn-Quyền, anh có biết  
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng ».*

Và sau đây là bài của ông Nhiều-Mân ở Cần-thơ họa lại cho Tôn không khác nào một cô gái nhưng là cô gái như cánh hoa tàn đã rửa, đã bị dạt trôi theo nhiều dòng nước, đã biết là thân con gái thì phải theo chồng, lại sao còn có những cử-chỉ và thái-độ như thế :

*« Dối theo Thánh trước giữ tam tòng  
Lai lảng lòng này cách biển Đông  
Ủ dột vùng Ngô doanh ngút bạc,  
Sửa sang về Thục thắt tơ hồng  
Thà đem lá thắm trôi dòng bích  
Nỡ để hoa tàn rửa mấy sông.  
Anh hỡi anh sao không biết nghĩ ?*

*Làm thân con gái phải theo chồng ».*

Chiến thuật Tôn-phu-nhân quy Thục lại bị phá. Lập trường thà mất lòng anh đặng bụng chồng của Tôn lại thay đổi. Và lần này là lần chót, Tôn đưa ra một bài thơ tử-vận để bịt miệng đối-phương dưới cái nhan đề là :

**« TỪ-THỨ QUY TÀO »**

*Thảo đâu dám sánh kẻ cầy voi,<sup>32</sup>  
Muối xát lòng ai nấy mặn mòi.  
Ở Hán hãy còn nhiều cột cả ;  
Về Tào chi sá một cây còi.  
Bâng khuâng nhớ mẹ khôn nâng chén.  
Bịn rịn trông vua biếng giở roi.  
Chẳng đặng khôn Lưu đành đại nguy,  
Thân này xin gác ngoài vòng thôi.*

Tôn tự nhận mình là kẻ đã bỏ Triều-đình, bỏ nhân-dân đi ra theo giặc Pháp như Từ-Thứ xưa phải bỏ Lưu-Bị theo Tào-Tháo. Tôn tự hạ tự cho mình là một kẻ bỏ đi, cũng như một cây còi không còn dùng được nữa. Nhưng còn tỏ ra một lần nữa muốn bào-chữa cho hành-động của mình là đúng, là do nơi hoàn-cảnh tạo ra, và cho dư-luận biết rằng mình tuy theo Pháp, nhưng lòng không theo thật. Bởi với công việc của Pháp, Tôn cũng như Từ-Thứ đối với Tào nghĩa là đã gác ra ngoài vòng thoi vạy.

Song, Tôn muốn bày tỏ nỗi lòng mình ở Pháp cũng như lòng Từ-Thứ ở Tào thì còn có thể tạm gọi cho là được, chớ mượn đó để bênh vực cho hành động của mình để đổ lỗi những việc mình làm do hoàn-cảnh thì thật là vô lý. Từ-Thứ

bị Tào-Tháo bắt mẹ, Thứ không trở về Tào sẽ giết mẹ Thứ. Thứ sẽ mang tiếng là con người bất hiếu. Còn Tôn thì đâu có sự gì bắt buộc, hoàn-cảnh xã-hội nước ta lúc đó đâu phải bắt buộc một người như Tôn ra làm việc cho Pháp, nếu không thì chẳng được. Hơn nữa, Thứ tuy về Tào nhưng lòng trung của Thứ đối với Lưu-Bị cũng chưa đã mất hẳn, trước khi đi Thứ còn đón từ giã Lưu-Bị và giới thiệu cho Lưu một người có tài đức hơn mình là Khổng-Minh để thay mình giúp Lưu. Còn ở Tôn thì hoàn-toàn khác hẳn, là hoàn-toàn đi theo chính-sách mua chuộc các sĩ-phu đương thời của Pháp, không ít thì nhiều, dù sao đi nữa, đối với trách-nhiệm lịch-sử, Tôn cũng không thể bênh vực được những hành động của mình như thế là không có lợi gì cho Pháp, hay có hại gì cho dân-tộc.

Vì thế, ông Phan-văn-Trị lại lên tiếng cũng dưới đầu đề TỪ-THỨ QUY TÀO, nhưng kết-luận bảo Tôn, thôi hãy ngậm miệng, không nên đưa ra những lý do này khác nữa :

*« Quá bị trên đầu lát búa voi,  
Kinh-luân đâu nữa để khoe môi.  
Xăng văng ruổi ngựa mây ùn đám  
Ráo rác xa Lưu gió thổi còi  
Đất Hứa nhớ thân sa giọt tủi ; <sup>33</sup>  
Thành Tương mẫn chúa nhẹ tay roi.  
Về Tào miệng ngậm như bình kín,  
Trân trọng lời vàng đáng mấy thoi ».*

Và ông Tú-Lễ ở Vĩnh-long cũng lên tiếng với đầu-đề ấy, nhắc Tôn không nên tự ví mình như vậy :

*« Cũng muốn phô bày trận ngựa voi.  
Tấm lòng này để khác chi mòi.  
Việc vua những tính chưa rồi rảnh,  
Tin mẹ vừa sang rất kẻ còi,  
Nỗi Hán, Ngụy vầy, lui tắc dạ,  
Đồ Tôn, Ngô cũ lũy đầu roi.  
Xin đừng mòi mắt trăm dặm ngựa,  
Rồng núp Nam-dương đáng mấy thoi ».*

Tôn nghĩ đưa ra bài TỪ-THỨ QUY TÀO với những tử-vận như voi, mòi, còi, roi, thoi, đối-phương sẽ không còn ai họa lại được. Nhưng Tôn đã chủ-quan không biết vũ-khí của ông Phan tới trận này lại còn nổ mạnh, không kém những lần trước. Với tử-vận ấy, không những ông Phan đã đánh lại được Tôn, một cách rất dễ, mà còn đưa ra cũng theo tử-vận ấy, một bài lấy tên là HÁT BỘI, để cảnh-cáo một lần chót những hành-động của Tôn, cho Tôn là một kẻ bù-nhìn, một kẻ bôi vôi vẽ mặt ở trước đám đông người :

*« Đứa mắc ghề ruồi, đứa lát voi,  
Bao nhiêu xiêm áo thấy trơ mòi.  
Người trung mắt đỏ đôi tròng bạc,  
Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi.  
Trên đỉnh có nhà còn lợp lọng ;  
Dưới chân không ngựa lại giơ roi  
Hèn chi chúng nói bội thì bạc ;  
Bôi mặt đánh nhau đá lại thoi ».*

Luận-điều của Tôn đã bị hoàn-toàn thất-bại bởi ngòi bút của ông Phan-văn-Trị. Kế đó lại bị ông Thủ-khoa Nghĩa ở

Cần-thơ đánh bồi thêm vào cái tử-vận trong bài thơ Từ-Thứ quy Tào của Tôn, bằng thơ :

**« ĐŨA BẾP »**

*Đẽo đã không nên cái búa voi  
Để làm đũa bếp nhắm ra mời.  
Sơ lòng ngũ đỉnh chi sồn nóng,  
Khuấy vạc tam thai chẳng sợ còi,  
Gặp cuộc than hồng đà sẵn gắp,  
Giận con đòi lại khỏi quơ roi.  
Xông nơi nước lửa dư trăm trận,  
Công-nghiệp nay đà đáng mấy thôi.*

Và ông Huỳnh-mẫn-Đạt, cử-nhân, nguyên tuần-phủ Hà-Tiên với bài thơ :

**« MƯA ĐÊM »**

*Mới vừa bụng núi dẫu thêm voi,  
Kìa phải mưa đêm đã ló mời  
Mượn sấm đánh tan vùng nguyệt rạng,  
Xua sương tưới sống cụm hoa còi.  
Say cầm câu nguyệt, ngư lên nón ;  
Lỡ dậm mang sao mục ước roi.  
Hỏi kẻ Trường-yên trời biết chẳng ?  
Tấm lòng quê ngọc nhộn đường thôi.*

Và sau đây nữa là ông Lê-quan-Chiếu, cai-tổng ở Cần-thơ với bài thơ :

**« CON VOI »**

*Giòng chi cao lớn dám tầy voi,  
Người gọi tướng quân cũng phải mời.*

*Bốn dưng thẳng bằng gân cốt cứng,  
Hai tai trằm trập tóc lông còi.  
Ra binh xông lướt danh còn để ;  
Giúp chúa cày bừa tiếng hãy roi.  
Mới biết vật linh thì có quý,  
Cặp ngà giá đáng mấy mươi thôi.*

Những phát súng hưởng-ứng của các ông này, tuy không nổ mạnh, và rớt thẳng vào bài Từ-Thứ quy Tào của Tôn. Nhưng kết-quả cũng làm cho Tôn thấy rõ được cái thái-độ và lập-trường đối-lập rất rõ rệt.

Cuộc bút chiến lịch-sử này đến đây chấm dứt, vì trong cuộc từ trước đến sau, người khai chiến là Tôn đều hoàn-toàn bị thất bại, và tự biết ở vào một thế cô độc, một phe của những kẻ phi-nghĩa, hờ môi ra những thẹn thùng, rồi từ sau trận đánh cuối cùng này, Tôn trở nên buồn rầu chán nản, cúi đầu lặng thinh để nhắm mắt rời chân cho thế sự xoay vần, mặc dầu còn tài hoa, nhưng thôi, không lên tiếng được nữa trên chiến trường văn-nghệ để đưa ra những văn điếu khác bênh vực cho lý-do và hành-động theo Pháp của mình.



## VII. Giá trị cuộc bút chiến

Nói về cuộc bút-chiến này, có người cho đó là một cuộc xung đột giữa hai khuynh hướng đối lập nhau :

Một bên Tôn-thọ-Tường, tiêu biểu lớp nhà nho quyền biến tùy thời. Lớp sĩ-phu này không câu nệ, nhận thấy việc có khi biến, có khi thường, cho nên gặp thời thế, thế thời phải thế.

Một bên Phan-văn-Trị, tiêu biểu cho lớp nhà nho tiết tháo, quan-niệm *trung thần bất sự nhị quân*, bảo thủ quan-niệm về công danh sự nghiệp theo khuôn khổ đã vạch sẵn trong Nho-học.

Nhưng thế là không đúng, là không nhận rõ ra được cái trạng-thái về thời-đại của nó ; là không phân biệt được hai phe chính-nghĩa và phi-nghĩa đã chia ra rõ rệt trong một cuộc chiến-tranh ở giữa Việt-nam ta và Pháp, một bên là chủ-trương phát động và theo đuổi một cuộc chiến-tranh xâm-lược, một cuộc chiến-tranh chỉ lợi cho bọn quân-phiệt và tài phiệt. Còn một bên là tự-vệ, là phải bắt buộc chống lại để giữ lấy chủ-quyền và đất đai.

Và nhận xét như trên, là vô hình trung, trong quan-niệm đã biểu-đồng-tình với chủ-nghĩa đầu hàng vũ-khí, đầu hàng hoàn-cảnh và đầu hàng danh-lợi của Tôn-thọ-Tường. Đồng thời cũng trong nhận-xét ấy đã phủ-nhận tinh-thần vì dân vì nước, vì nền độc-lập của non sông xứ sở, vì sự sống còn của dân-tộc, triệt để ủng-hộ cuộc kháng-chiến anh-dũng chống ngoại-bang xâm lược ở miền Nam lúc đó.

Theo sự nhận-xét của chúng tôi. Cuộc bút-chiến lịch-sử này, không thể đặt cho đó là hai khuynh-hướng được. Nhìn trong bảng đòn cân lực-lượng trên kia, chúng tôi đã thấy rõ, trong cuộc bút-chiến, Tôn-thọ-Tường chỉ đơn đao độc mã, chiến đấu cho riêng biệt chí-hướng của độc nhất cá-nhân mình mà thôi. Tôn không đại-diện được cho một người sĩ-phu khác nào sau Tôn.

Trong hàng sĩ-phu ở miền Nam lúc đó, chỉ có ông tiến-sĩ Phan-hiển-Đạo là bước vào con đường của Tôn. Nhưng ông này thật ra cũng không phải tới nước đưa Tôn lên chiến-trường văn-ngệ để đại-diện cho mình. Trong cuộc bút chiến từ trước đến sau, chúng ta không hề thấy một tiếng nói nào của ông, mặc dù với sức văn-học đã đổ đến tiến-sĩ, ông có thừa sức xuất quân, để bài binh bố trận. Nhưng ông đã tự cảm thấy đường đi của mình là lầm lạc, là có trọng tội với giang sơn, tổ-quốc, nên cuối cùng ông khác hơn Tôn, đã phải dứt khoát chọn lấy một ngả đường để thoát, để thanh-minh cho nỗi lòng mình, bằng chén thuốc độc ở tại Vĩnh kim đông. Hành động này của ông tiến-sĩ họ Phan tuy quá độ tiêu cực, thay vì con đường ấy, ông nên trở về với nhân dân, với kháng-chiến mới phải. Nhưng dù sao, đối với ông, chúng ta cũng thấy sự ra hợp tác với giặc của ông là một sự lầm-lạc, chớ không phải cố ý bán nước hại dân, theo đuôi cọp mồi như bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương, v.v...

Như thế đối với cuộc bút-chiến này, ta không thể đặt cho Tôn là đại-diện một lớp sĩ-phu nào, hoặc một khuynh-hướng nào.

Chúng ta có thể nói được Tôn là đại-diện cho bọn Tần Lộc, Phương lúc ấy. Nhưng những con người này không phải là sĩ-phu. Bọn này ra theo Pháp là theo, là sẵn tai để nghe lấy tất cả những lời nguyên rủa của đồng loại, đồng chủng. Theo voi ăn bã mía, bọn chúng không cần phải thanh-minh gì hết, hoặc đưa ra những lý nọ lẽ kia để hồng may ra còn vớt vát được phần nào cho danh-dự ở đời. Bọn chúng là những kẻ vô học, là những hạng con người giá áo túi cơm, chúng chỉ biết lấy vinh thân phì gia là đủ. Chúng dựa vào hơi giặc để lên mặt với xung quanh, như thế là sang trọng, là phong-lưu phú quý tám vạn nghìn tư rồi. Lặn cầu tiêu lấy vàng, chúng không lấy đó là xấu hổ, và phải thanh minh rằng cầu tiêu không có mùi gì thúì. Hai con đường một là danh, hai là lợi, chúng chỉ chọn một cái thứ hai không đòi hỏi gì hơn nữa. Những tiếng khen chê ở đời, đối với bọn chúng cũng như là búa bổ trán voi và nước đổ đầu vịt.

Bọn chúng không cần thiết phải có một người sĩ-phu là Tôn-thọ-Tường để đại-diện cho chúng, bào chữa cho việc làm của chúng trước tòa án dư-luận.

Cho nên việc cho Tôn là đại-diện một khuynh-hướng lại càng là không đúng, vì khuynh-hướng không phải là một người, một tư-tưởng cá-nhân nào, phải ít nhất cũng được thay mặt cho một tối thiểu số nào. Vì vậy trong cuộc bút-chiến này, ta có thể nói ông Phan-văn-Trị là đại-diện một khuynh-hướng của lớp sĩ-phu thì được, chứ Tôn thì chỉ là một cá-nhân. Có đại diện đi chẳng Tôn chỉ là đại diện được cho mình, cho vợ con, và những tôi tớ trong gia-đình.

Nhưng thế mà gọi là đại-diện thì ôi chao còn gì là mĩa mai cho bằng...

Đó là nói về đại-diện và khuynh-hướng. Còn nói Tôn là quyền biến tùy thời, như vậy có đúng không ?

Thực ra, Tôn đã câu-nệ, đã cố-chấp, lối cố-chấp và câu-nệ một cách hết sức tể-nhị và kín đáo, để bảo-thủ, không chịu dứt bỏ trong đầu óc cái tư-tưởng bên ba lòn lỏi vì danh lợi của mình. Tư-tưởng ấy của Tôn không phải chỉ bộc-phát trong lúc có cuộc xung đột Việt-Pháp, mà trước đã nẩy mầm trong Tôn. Lịch-trình của Tôn đã chứng rõ điểm này, nên đối với việc Tôn ra làm cho Pháp, không ai còn lạ nữa, và cũng không ai còn khờ dại gì để bị những lời bào chữa của Tôn mập mờ đánh lộn con đen được.

Đi xa hơn nữa, có người lại cho rằng những lời trong cuộc bút-chiến của Tôn cũng có thể thành thật, nghĩa là có thể tin được, biết đâu việc theo Pháp của Tôn lúc đó chỉ là một chiến-thuật.

Song thế càng sai nữa. Đã đành trong một cuộc chiến-tranh, là bao giờ cũng có nhiều khía cạnh, có nhiều hành-động phải hết sức linh-động quyền biến để cho đi tới được mục đích cuối cùng, nên nhận xét ở tương-quan lực lượng, các nhà lãnh-đạo có đôi lúc phải chủ-trương thỏa-hiệp, nhưng cái thỏa-hiệp đó phải nằm trong những cái đánh lớn. Nếu không là thủ tiêu chiến-đấu, là đầu hàng thật sự. Tôn-thọ-Tường đi ra theo Pháp, ta thử đặt một câu hỏi, cái hàng ấy của Tôn có nằm trong cái đánh lớn không, nếu có Tôn đã làm được những gì ?

Trong mục giới thiệu Tôn-thọ-Tường, chúng tôi đã đề-cập hai chữ quyền-biến chỉ là một lý-do để che đậy cho tư-tưởng xu-thời của kẻ sĩ thôi, vì với hoàn-cảnh gia-đình, hoàn-cảnh xã-hội, cả hai hoàn-cảnh đều không bắt buộc Tôn phải như Tôn-phu-nhân quy Thục hay Từ-Thứ quy Tào.

Hai chữ quyền-biến ở Tôn là cả một sự giả dối không thật với lòng mình, nên trong cuộc bút chiến, càng ngày Tôn càng thay đổi càng xóa bỏ lập-trường.

Lúc đầu Tôn khoe khoang và lên mặt dạy đời :

*« Miệng cộp hàm rộng chưa dễ chọc,  
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay.*

... ..

*Trẻ dạy giềng sâu lòng chẳng nở,  
Đường xa ngày tối tuổi không chờ.  
Áo xiêm ngán thấy sẵn tay thợ,  
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ ».*

Tôn tự nhún mình để đưa cao giá-trị mình lên :

*« Nghi ngút tro tàn dần đạo nghĩa,  
Lờ mờ bụi đóng cửa tâm-anh,  
Trâu ngựa dù kêu, kêu cũng chịu.  
Thân còn chẳng kể, kể gì danh.*

... ..

*Lòng nay dẫu hỏi mà không hờ  
Lặng xét thăm soi đã biết cho.*

... ..

*Cho hay đã vậy thì thôi vậy,  
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng.*

... ..

*Ví dù vật ấy còn doi dẫu,  
Bao quản thân này chịu để người ».*

Nhưng đến bị ông Phan-văn-Trị đánh lại :

*« Đến thế còn khoe danh đạo-nghĩa,  
Như vậy cũng gọi cửa trâm-anh.*

... ..

*Hai cửa trâm-anh xô xấp ngửa,  
Một nhà danh-giáo xáo tan hoang ».*

Cho Tôn là một thằng hoang, một đứa cặn thị :

*« Đáy giếng trông trời gương mắt ếch,  
Làm người như vậy cũng rằng là.*

... ..

*Chuốc miệng khen người nên cắc cớ,  
Đạo trời ghét vậy há soi cho ».*

Và cảnh-cáo Tôn :

*« Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,  
Bủa lưới săn nai cũng có ngày,  
Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí,  
Lòng ta sắt đá há lung lay ».*

Kể đó, bị luôn một loạt súng tấn công của những người đứng về phía ông Phan, Tôn phải hạ giọng, tự cho mình đã hần hoi chính thức bước qua hàng ngũ Pháp, thậm chí đến nỗi không ngượng ngùng đem thân sức dài vai rộng ở trước cảnh nước loạn để so sánh với một kẻ quần vận yếm mang thời phong-kiến cổ xưa là người con gái đất Giang-đông. Rồi

sau đó bị tấn công rồn rập, bí thế làm sao gỡ lại được, thì lúng túng, rồi tự ví mình như Từ-Thứ để phân trần cho mình tuy ở Pháp, nhưng không có để lòng theo Pháp, năn nỉ xin các bạn hiểu cho :

*« Chẳng đặng khôn Lưu đành đại Ngụy,  
Thân này xin gác ngoại vòng thoi ».*

Vả chẳng, nói đó là quyền biến thì việc làm của những kẻ theo Pháp như bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương lúc đó, và bọn Hoàng-cao-khai, Nguyen-Thân, Lê-Hoan sau này cũng đều là quyền biến cả sao ?

Trường-hợp quyền biến, ta có thể đặt cho trường-hợp như trường-hợp của Ngô-thời-Nhậm cựu-thần nhà Lê trước ra theo nhà Tây-sơn chẳng hạn vì Tây-sơn với Lê chỉ là một sự thay đổi về giềng mối chánh-trị, Tây-sơn với Lê, cả hai cũng đều người trong nước. Một người đang theo Lê, nhưng vì thấy nhà Lê sao đó, phải ra theo Tây-sơn, thì đó là xuất sứ không câu nệ, không cố-chấp đối với giáo-lý nghiêm khắc của nhà Nho. Chớ như cuộc chiến-tranh Việt-Pháp thì đã phân biệt ra hai phe phải trái rõ rệt, một người không có học cũng hiểu, không phải khó khăn như cuộc nội-chiến giữa Tây-sơn và Lê, hay Tây-Sơn cùng hai họ Nguyễn Trịnh, phải có tầm mắt thấy rộng nhìn xa, tế nhị lắm mới phân biệt được rõ bên nào là chánh-nghĩa, là hợp với nhân-tâm, bên nào là phi-nghĩa là trái với nguyện-vọng quốc-dân.

Vì những lẽ trên đây, đối với cuộc bút-chiến này, chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với quan-niệm cho Tôn là đại-diện cho một khuynh-hướng, tiêu biểu lớp nhà Nho quyền

biến tùy thời, không câu nệ, nhận thấy việc có khi biến, khi thường, cho nên gặp thời thế thế thời phải thế.

Đó là nói về Tôn-thọ-Tường.

Còn về phía ông Phan-văn-Trị, phía đã đối lập lại với Tôn. Chúng tôi cũng không tán thành với thuyết nhận-xét trên cho là tiêu biểu lớp nhà Nho tiết-tháo, quan-niệm *trung thần bất sự nhị quân*, bảo thủ quan-niệm về công-danh, sự-nghiệp, theo khuôn khổ đã vạch trong Nho-giáo.

Ông Phan-văn-Trị và những đồng-chí của ông xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình. Các ông ấy là những người tiết tháo, là những người vui mài trong tư-tưởng của giáo lý *trung thần bất sự nhị quân* thật. Nhưng ở thời-đại ấy, quan-niệm và lập-trường của các ông ấy đã thuộc về phía như chúng ta, ai cũng biết là thuộc về phía của nhân-dân kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược, chính-nghĩa của phía này có thể coi như là một thiên-lý bất di bất dịch từ lúc có loài người đến nay, không ai có thể xóa bỏ đi, hay làm xuyên-tạc được giá-trị của nó. Phía này trong thời-đại đó, như mọi người đều biết, đã có lúc phải sử dụng chữ « trung » hết sức là linh động không theo một quan-niệm cố-định, bảo-thủ, cố-chấp và câu-nệ như một số nhà Nho xưa, nên đã có lúc phải kháng-mệnh Triều-đình, phải chống lại hiệp-ước cắt nhượng đất 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, quyết chiến đấu đến cùng để giành lại đất đai. Chữ « Trung » đã thế, trái lại chữ « Quân » cũng không phải hẹp hòi và trói buộc ở trong một khuôn khổ như xưa, mà chỉ còn là một thần-khí để tượng-trưng cho giềng-mối quốc-gia, đối với đương thời, đối với một nước nông-nghiệp còn phong-kiến và lạc-hậu như



nước ta khi đó, chữ « quân » cũng vẫn còn có giá-trị để đưa ra vận động cho phong trào kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược. Xóa bỏ chữ « Quân » lúc đó, trong hành-động có thể nói đã là vượt ra ngoài luân-lý cổ-truyền của Nho-giáo, nhưng là quá-khích, là xa trình-độ dân-chúng, không hợp và bất lợi cho việc lớn của quốc-gia và dân-tộc.

Cho nên mặc dù ông Phan-văn-Trị và những người đứng về phía ông lúc ấy còn cái quan-niệm *trung-thần bất sự nhị quân*, nhưng quan-niệm đó, trong hoàn-cảnh chống xâm-lăng ấy, nó đã trở thành rõ rệt là một quan-niệm bất-cộng đối-thiên với kẻ thù dân-tộc. Cái chữ « Trung » của nó đã nặng hẳn về phía dân hơn là phía quân rồi. Cái quan-niệm Trung-thần bất sự nhị quân trong đó không còn ý nghĩa ở trong nội-dung thực-tế nữa.

Vì thế, đối với quan-niệm *trung-thần bất sự nhị quân*, ta có thể đặt cho Phạm-Thái trong bài *chiến-tụng Tây-hồ phú* để đối-lập lại với quan-niệm và lập-trường ra phò nhà Tây-sơn của Nguyễn-huy-Lượng thì được, chớ đặt vào quan-niệm của ông Phan-văn-Trị và những người đứng về phe ông thì không đúng, vì như thế, chưa thấy rõ được cái chân giá-trị về lịch-sử của nó. Và nhận-xét như thế là không nhìn thấy chánh-nghĩa của nhân-dân, cũng như đã lầm nhận thực-dân Pháp, kẻ đem binh-lực đi xâm chiếm nước người không phải là phi nghĩa, và cũng đáng là một vị vua để trung, và để thờ cho một số sĩ-phu nào lúc đó, như Nguyễn-huy-Lượng bỏ nhà Lê, ra theo nhà Tây-sơn để ông Phạm-Thái chống lại trong bài *chiến tụng Tây-hồ-phú*. Và như thế cũng chưa là dứt khoát tư-tưởng và lập-trường đối với cuộc

chiến-tranh giữa một bên thì đi cướp đất để mở mang thuộc địa, còn bên thì phải quyết liệt chống trả để giữ lấy quyền sống. Và như thế nữa, cũng chưa nhận thấy rõ cuộc chiến tranh Việt-Pháp, không phải là một cuộc nội-chiến như cuộc chiến-tranh giữa Lê, Mạc, hay Nguyễn, Trịnh và Lê, Nguyễn, Tây-sơn...

Bởi nhận xét sai lầm không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên đối với cuộc bút-chiến này, một số nhà cầm bút trước đây, chỉ thấy được một cách phiến diện về hình-thức của nó, cho là một cuộc xướng họa, và chỉ thấy đó là những tài liệu quý báu để lại về tinh-thần của hai phái sĩ-phu khi người Pháp mới dẫm bàn chân xâm-lược lên trên đất nước này.

Bởi nhận xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã không phân biệt được nổi bạn và thù, cho Phan-văn-Trị và Tôn-thọ-Tường, cả hai người cùng với Phan-thanh-Giản, Nguyễn-đình-Chiêu, Bùi-hữu-Nghĩa, đã đại diện làng văn Nam-Việt và góp phần xứng đáng vào kho tàng văn-chương nước ta cuối thế kỷ 19, và giải thích một cách hàng hai rằng :

« Bị xúc động trước thời-cuộc, hai ông đã đưa văn thơ thoát khỏi những đề-tài sáng-tác cổ-điển để đi sát với hoàn-cảnh, với đời sống của dân-tộc. Văn-chương đã có một tác-dụng đấu-tranh dù chỉ đấu tranh trong phạm-vi tư tưởng mà thôi. Nhưng cuộc tranh đấu không bị gò bó trong phạm-vi lý-luận khô khan. Đó là do nghệ-thuật, đem hình-ảnh và rung cảm thẩm-nhuần vào câu văn khiến những bài thơ của cuộc bút-chiến đã vượt khỏi phạm-vi không-gian thời-gian, và chiếm một địa-vị đáng chú ý trong làng văn-học ».

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã khen ông Phan-văn-Trị là mọi người có khí-phách, có tinh-thần ái-quốc sâu sắc, có tiết-tháo trong sạch giữ vững lập-trường, không chịu dẫn thân vào chỗ đám bùn nhơ để cầu lấy hư-vinh rồi ngược trở lại phê bình là cố-chấp là bị giảng buộc bởi luân-lý cổ-truyền của Nho-giáo. Như thế thì có khác nào đã đánh giá tất cả những nhà ái-quốc, những người có đạo-đức xưa nay, tất cả đều là những hạng người cố-chấp, là bảo-thủ, không tiến-bộ chút nào.

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã tán-thành với thái-độ và lập-trường của ông Phan-văn-Trị, nhưng còn tiếc rẻ, khen Tôn-thọ-Tường *con người quyền-biến*, và than cho Tôn là người :

*« Muốn xông ra đời để làm một việc gì cho tương-lai. Trước mặt ông, viễn tượng một cuộc sống ngang tàng khác hẳn với lối công-danh cử nghiệp đã làm ông say sưa... Tuy nhiên khi thực hiện chí lớn, ông gặp phải một điều rất khó. Trước mặt ông có hai con đường : theo triều cũ hay theo tân-triều ? Con đường thứ nhất, ông không ưng, vì đó chỉ là một con đường tuyệt vọng. Còn nếu theo con đường thứ hai, thì ông sẽ bị thiên-hạ cho là trái đạo ».*

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã không nhận rõ được những bài thơ của Tôn-thọ-Tường là những cái đầu độc sĩ-phu, và của ông Phan-văn-Trị là những liều thuốc để giã lại, nên san bằng, đánh giá đồng một, cho của cả hai đều có tính-chất gợi cảm

rất mạnh, và đã khéo đem được nhiều hình-ảnh vào trong thơ văn.

Thậm chí có người đã nhìn nhận những lời nói của ông Phan-văn-Trị trong cuộc bút-chiến :

*« Không những đã biểu hiện tấm lòng khảng khái và bất khuất của lớp sĩ-phu thời bấy giờ. Đó còn là tiếng nói tinh-thần dân-tộc, của truyền-thống anh-dũng đã tạo nên những chiến công oanh liệt Vạn-kiếp, Chi-lăng, Đống-đa và đang vươn mình lật đổ ách xâm-lăng ».*

Nhưng rồi một mặt khác, lại cho những lời đanh thép chống lại Tôn-thọ-Tường của ông, như những câu :

*« Tai ngơ sao được lúc tan tàn*

*... ..*

*Luống biết trách người chẳng trách mình*

*... ..*

*Thân-danh chẳng kể thực thẳng hoang,*

*... ..*

*Chẳng xét phân mình khéo nói vơ.*

*... .. »*

...là những lời sống sượng, rồi loanh quanh lúng túng, tự mâu thuẫn, cho đó chính là biểu lộ những tính cương trực của nhà Nho, v.v...

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì cuộc bút-chiến này, tuy hình-thức là một cuộc xướng họa. Nhưng nội-dung giá-trị lịch-sử của nó phải nói là một cuộc tranh đấu tư tưởng, một trận chiến đấu bằng hình-thức văn-ngệ của những người đứng về hàng-ngũ chống xâm-lăng, đứng về phía

nhân-dân, để chống lại những kẻ đã theo giặc, kẻ đã phản bội dân-tộc, nhưng còn xấu hổ, còn muốn che đậy dã-tâm và hành-động bất chính của mình bằng lớp áo sĩ-phu có gắn những bông hoa mã là ngộ biến tòng quyền.

## VIII. Kết luận

Nói tóm lại, cuộc bút-chiến này đã để lại trên lịch-sử cho chúng ta ngày nay, một tài liệu vô cùng quý báu về tinh-thần của sĩ-phu lúc đó.

Với sức mạnh hùng hậu đương lên ở thế-kỷ 19, bọn thực dân Pháp tràn sang đây với danh-nghĩa là bảo vệ tự-do tín ngưỡng, là đem văn-minh sang khai hóa xứ này, là tự xưng Tân-trào. Nhưng với mảnh khốe chánh-trị nào, với những thủ-đoạn gian hùng nào đi nữa, kẻ phi-nghĩa, bọn dùng võ-khí đi chiếm đoạt quyền sống của người khác, vẫn không thể nào được những sĩ-phu ra làm việc cho chúng.

Sĩ-phu miền Nam lúc đó, quả thật đa số không bị mờ tối bởi thủ-đoạn mua chuộc dụ dỗ và vuốt ve của Pháp. Tuy có một số còn thủ cựu, đối với việc lớn nước nhà, còn bảo thủ, còn chờ thời đợi thế, trong lúc ngọn lửa xâm-lăng đã cháy mày, nhưng tất cả đều biểu lộ một tinh thần yêu nước, một lập trường dứt khoát đứng hẳn về phía của dân-tộc.

Qua cuộc bút-chiến, chúng ta thấy sự chống lại chủ-trương ra làm việc cho Pháp của sĩ phu lúc đó, chẳng những là để bảo-vệ lấy phẩm cách con người, lấy tiết-tháo trong sạch, mà còn tin tưởng vào sự tất thắng của chính-nghĩa, vào sức vạn năng của toàn dân trong công cuộc giải-phóng đất đai và giành lại chủ quyền.

Phải không rung-động trước lực lượng súng đồng tàu trận của đối-phương, nên trong các bài của ông Phan-văn-

Trị và những người đứng về phe ông mới có những câu lên tiếng với kẻ thù :

*« Bến-nghé quán bao cơn lửa cháy,  
Cồn-Rồng dầu mặc bụi tro bay  
Sớm tính che phen giữa gió cả,  
Cột rường chống chỏi dễ lung lay.  
Bàì hòa đã sẵn in tay thợ  
Cuộc đánh hơn thua tựa nước cờ.  
Hồng dầu hư lông đâu sợ sẽ,  
Hùm như thất thế dễ thua chồn.  
... .. »*

Phải giữ lấy tiết-tháo dù trong cơn tai biến thế nào cũng không thay lòng đổi dạ với nước non, nên các ông này mới có câu :

*« Người có ắt danh tua phải có,  
Khuyên người ải trọng cái thân danh.  
Thân danh chẳng kể thực thẳng hoang,  
Đốt sập nên tro lụi chẳng cần.  
Mồi thơm cá quý câu không đặt  
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.  
Thơm tho tiết nghĩa mới nên người,  
Chớ để ngày sau tiếng nhẽ cười.  
Đứa ngu mới ở lòng đen bạc,  
Người trí chi lay dạ đá vàng ».*

Phải tin tưởng vào sự tất thắng của chánh nghĩa, vào sức vạn năng lấp biển vá trời của toàn dân trong công cuộc giải phóng, nên mới lại có những câu sau này nữa :

*« Một trận gió đưa siêu ngã cỏ,  
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

*Hè qua đóa tốt đông thì héo,  
Xuân lại chồi khô thắm cùng tươi,*

*Thời nọ nhảm còn cơn băng đảng,  
Đời nào lại chẳng có hùng anh.*

*Phụng gáy non Kỳ chờ có thuở,  
Rèn lòng đinh sắt hãy còn đây ».*

Và cũng lên tiếng cảnh cáo bọn theo giặc :

*« Hạc lộn bày gà thương những kẻ.  
Chồn mang lớp cọp gớm cho bay.*

*Bôi mặt bằng bùn nhơ đã đáng,  
Đút đầu vô máy chết không oan.*

*Thày lay có bữa vương trầy miệng,  
Lúng cứng ghe ngày bị lở tròn.*

*Giúp trị lẽ nào dung đặt gã,  
Trừ loạn rồi có thiếu chi người.*

*Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,  
Chẳng xét phận mình khéo nói vợ.  
Người trí mắng lo danh chẳng chói,  
Đứa ngu mới sợ tuổi không chờ.*

*Ba cõi may dẫu in lại cũ,*



*Đôi trông trông đa thấy không người.*

*... ..*

*Đứa đại trót già đời cũng đại,*

*Lựa là tuổi mới một đôi mươi,*

*Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc.*

*Đạo trời xét vậy há soi cho.*

*Gió xướng mới hay cây cỏ cứng,*

*Sông rộng nhiều tay lấp cũng bằng.*

*Chưa trả thù nhà đền nợ nước*

*Dám đâu mắt thấy lại tai nghe ».*

Chúng tôi nói thế. Có người cho các ông trên đây là sai vì tin tưởng như vậy, nhưng rồi cuối cùng miền Nam cũng như toàn quốc đều phải đặt dưới quyền đô-hộ của Pháp. Song không nên, và cũng không thể đưa ra lý-luận như thế được. Vì đó là vô tình nhìn nhận cái chủ nghĩa đầu hàng của Tôn, là thủ tiêu chiến đấu, là không nhìn thấy cái yếu tố căn bản của một cuộc chiến tranh là vấn đề nhân-tâm.

Phong trào kháng chiến bị dẹp tắt, đất nước bị đặt ở dưới quyền đô hộ của Pháp. Việc đó có nhiều lý do khác, không phải vì sức chiến đấu của nhân-dân mà mất. Trái lại sức chiến đấu ấy đã không bị mất theo phong trào, mà lúc nào, thời gian nào cũng tiếp tục nổi dậy, khi bí mật, khi công-khai, lúc địa phương đứng lên, lúc loan cuộc phát động, và kết quả đã thành công ở những người tiếp tục tiến lên để làm tròn sứ mạng lịch-sử.

Lòng tin tưởng ấy bao giờ cũng đúng, bất cứ ở vào thời đại nào, hay một hoàn cảnh lịch sử này. Song ở trước một

kẻ địch tuyệt đối mạnh hơn mình, cái đúng của nó lại càng tăng thêm giá trị và ý-nghĩa.

Nếu chúng ta phủ nhận nó đi thì tức đã đánh thấp giá trị tinh-thần quật khởi của dân tộc, là hoàn-toàn không có một chút tự chủ nào trong người, là lúc nào cũng thụt lùi, cũng khoanh tay cúi đầu ở trước một kẻ mạnh. Lịch-sử của 80 năm tranh-đấu không ngừng, để tự giải phóng và kết-quả cuối cùng đã trả lời cho những quan-niệm sai lầm ấy.

Ngoài điểm trên ra, có người lại cho cuộc bút chiến này không phải là việc quan trọng trên lịch-sử, vì nó chỉ nằm trong phạm vi cá nhân, giữa một vài kẻ sĩ với nhau, và chỉ có giá-trị phần nào trong văn-học.

Nhưng nói vậy, thật là một sự sai lầm không tưởng tượng, không nhận thấy cuộc bút-chiến ấy đã hoàn toàn từ thời-đại mà ra. Động cơ chính của nó là động cơ thời đại, động-cơ lịch sử, không phải vì động-cơ cá nhân, vì sự thành-kiến riêng biệt của một vài kẻ sĩ với nhau.

Và nói như thế cũng tức không hiểu gì về tính-chất của cuộc bút-chiến này, vì chỉ thấy hình-thức là một cuộc xướng họa, mà không nhận được ra rằng nội-dung là một cuộc tranh-đấu giữa hai tư-tưởng ở trong một giai-đoạn hết sức nghiêm trọng của lịch-sử, một bên là kẻ ra hàng giặc, còn bên là những người xét thấy cần-thiết phải chống lại, phải để cảm-tình cá-nhân ra một bên để lo cho công việc lớn của quốc-gia, dân-tộc.

Đành rằng, những bài thơ của Tôn-thọ-Tường chỉ là những cái đưa ra để lên tiếng với bạn bè, với những người

đồng thanh đồng khí trên văn-đàn thi-giới, để bào chữa cho hành-động của mình, và phân trần nỗi tâm-sự mình trước cảnh nhà nghiêng nước đổ. Nhưng chính những lời lẽ, những lý-do trong đó đã trở thành một tác-dụng tuyên truyền cho chủ-trương hàng giặc và phản lại nhân-dân. Những lời lẽ ấy, những lý-do ấy, nếu cứ để nằm trong óc Tôn thì chỉ có hại cho danh-dự của cá-nhân họ Tôn mà thôi. Nhưng đã đưa ra, thế tất nhiên, ảnh-hưởng của nó đã gây một tai hại không nhỏ trong tinh-thần đồng-bào, nhất là với những kẻ đang tấp tễnh, muốn ló đầu ra để bước vào con đường mà Tôn đã bước phải, một con đường, nếu dân-tộc ta ai cũng thế, thì chỉ có nước, con con cháu cháu muôn năm sống mãi một kiếp đời nô-lệ.

Với những bài thơ đưa ra ở trong cuộc bút-chiến, Tôn tự-thuật, tự phân trần, nhưng nội-dung dù muốn hay không, vô tình hay hữu ý, Tôn cũng không thể biện hộ cho đó không phải là luận-điều cổ-động và tán dương cho chính-sách dùng người Việt trị người Việt của Pháp mà lá bài đầu tiên của chúng là nhắm vào từng lớp sĩ-phu.

Nhìn vào hoàn-cảnh lúc đó, một hoàn-cảnh chiến-tranh trong nước đã chia làm hai phe rõ rệt, chúng ta đã nghĩ xem những lý-lẽ của Tôn đưa ra như cho đó là quyền biến, là nước cờ thôi không còn gỡ lại được nữa, là thân còn chẳng kể, kể gì danh, như thế là có lợi cho dân-tộc, hay có lợi cho kẻ thù.

Pháp mới chỉ chiếm được 3 tỉnh miền Đông, phong-trào kháng chiến lúc đó có đường nẩy mạnh, thế lực Triều-đình còn vững, ấy thế mà chưa chi Tôn đã khiếp sợ cho rằng :

*« Chớp nhoáng thẳng bon dây thép gió,  
Mây bay đen kịt khói tàu bay.  
Miệng cộp hàm rồng chưa để chọc,  
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay ».*

Tán dương lực lượng của Pháp một cách đến mù quáng như vậy, luận-điều ấy có khác nào luận-điều của Đào-trọng-Kỳ, Tổng-đốc Nam-Định, khi tướng giặc là F. Garnier mới hạ thành Hà-nội, Nam-Định, Ninh-Bình, Phủ-Lý, cuộc chiến còn chưa phân thắng bại, ấy thế mà đã sợ chết, lo mất giàu sang, đi làm một bài tâng tụng kẻ cướp nước, trong đó có những câu đáng nên chửi vào mặt :

*« Nhất nguyệt công hạ tứ thành, hà kỳ dũng yên, nhất nguyệt công hạ tứ thành, bất sát nhất nhân, hà kỳ nhân yên ?*

**Nghĩa là :** Tên F. Garnier trong một tháng đánh hạ được bốn, sao mà mạnh thế ? Trong một tháng đánh hạ bốn thành chẳng giết một người nào, sao mà nhân thế ?

(Mấy câu này của Đào sau đến tai triều đình, vua Tự-Đức không bắt tội, nhưng đưa ra cho Đào một tờ chỉ dụ có một câu than rằng : *« Hữu thần như Đào-trọng-Kỳ trẫm hà vong yên ? »*. Nghĩa là : có bày tôi như tên Đào-trọng-Kỳ thì ta còn mong gì được nữa. Đọc mấy câu đó, Đào toát mồ-hôi ra, rồi xấu hổ bỏ chức đi vào Ninh-Bình tự-tử chết).

Luận-điều ấy của Tôn-thọ-Tường đưa ra ở trong một thời đại như thế, nếu không có sự chống lại kịch liệt ở phía ông Phan-văn-Trị thì trong nhân-dân khỏi sao không có

những người bị mù quáng và lầm lạc về những lời văn-nghe khéo léo của Tôn.

\*

Cho nên đối với cuộc bút-chiến này, ta phải nhận rằng chính đó là một mặt chiến đấu của nhiều mặt chiến đấu khác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược.

Dẫu chỉ chiến đấu bằng bấy nhiêu bài thơ, dẫu trong đó có đôi chỗ còn nặng nề cái tinh-thần ẩn-dật, chờ đợi, nhưng bên phía ông Phan-văn-Trị cũng đã dự một phần vào công việc lớn của toàn dân lúc đó. Nghĩa là phía ông đã đánh bại được luận-điều tuyên truyền cho đường lối của Tôn, đã giã đi được trong dư-luận đồng-bào, những vị thuốc độc về tinh-thần của Tôn và như thế, có nghĩa là ông Phan-văn-Trị và những người thuộc về phía ông đã thành công trong hai đặc-điểm đáng chú ý là làm sáng tỏ thêm chánh nghĩa của nhân-dân kháng chiến, và đã kịp thời chặn đứng lại được tư-tưởng của một số người nào đang phân vân, tập tễnh dự định đi vào con đường rất tai hại cho dân-tộc của Tôn, mặc dầu không phải là chủ ý để làm những hành-động đại bất nhân bất nghĩa như bọn Trần-bá-Lộc, Nguyễn-Thân, Hoàng-cao-Khai.

Chúng ta ngày nay nhìn lại cuộc bút-chiến ấy phải thấy rõ điểm đó.

Và ngoài cái giá-trị của nó để lại cho sau này những tài liệu-quý báu về tinh-thần sĩ-phu miền Nam ở bước đầu tiên buổi giao-thời Việt, Pháp, chúng ta không thể bỏ qua, không

nhận thấy cái giá-trị đặc biệt về lịch-sử, và sự thành công của nó như trên đây.

Chính đó mới là những nét chính, những nét quan-trọng ở trong cuộc bút-chiến này vậy.

**-- HẾT --**

## **Tủ sách Văn-ngệ của nhà SỐNG MỚI xuất-bản**

Hân-hạnh giới-thiệu quý bạn đọc những tác-phẩm có giá trị : BÓNG MƠ, ĐƯỜNG ĐỜI của Bà TÚ-HOÀ.

Một cây bút quen biết đã từng hợp-tác trong nhóm *Tự-Lực Văn-Đoàn*

NGƯỜI NỮ DANH CA, HỒNG NGỌC của THANH-NAM.

Nhà văn THANH-NAM sau một thời-gian vắng bóng, đã trở lại văn-đàn với hai tác-phẩm mới mẻ nói trên

HOA TRINH NỮ của THẨM-THỆ-HÀ.

Một tác-phẩm mà các bạn yêu văn không thể bỏ qua.

**SẮP XUẤT-BẢN** : ĐÔI MÁI ĐẦU XANH của THANH-THỦY

**IN XONG NGÀY 12-11-57 TẠI NHÀ IN RIÊNG CỦA NHÀ  
XUẤT-BẢN GIẤY PHÉP SỐ 1509 NGÀY 11-9-57.**



# **TỦ SÁCH TINH-HOA của nhà SỐNG-MỚI xuất-bản**

## **ĐÃ XUẤT BẢN :**

- GIAI THOẠI VĂN-CHƯƠNG V.N. của THÁI-BẠCH
- TRẠNG-TRÌNH NGUYỄN-BÌNH KHIÊM của THÁI BẠCH
- HỌC-LẠC của NGUYỄN-TỬ-NĂNG
- PHẠM-HỒNG-THÁI của TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH
- BỐN VỊ ANH-HÙNG KHÁNG-CHIẾN MIỀN NAM quyển I và II của THÁI BẠCH
- 72 LIỆT-SĨ HOÀNG-HOA-CƯƠNG của NGUYỄN-TỬ-NĂNG
- CUỘC BÚT CHIẾN GIỮA PHAN-VĂN-TRỊ VÀ TÔN-THỌ-TƯỜNG của THÁI-BẠCH

**SẴN XUẤT-BẢN :** NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU của THÁI BẠCH

*Sẽ lần-lượt xuất-bản những Tác-phẩm giá-trị gom-góp hết cả TINH-HOA của đất nước.*

**Giấy phép số 1509. XB ngày 11-9-57**  
**của Nha Thông-Tin Nam-Phân.**  
**Tổng phát hành NAM CƯỜNG**  
**Giá phổ thông 20\$**



# Notes

[ ← 1 ]

Thời-gian đó vào khoảng năm 1851, người làm kinh-lược chánh-sứ là ông Nguyễn-tri-Phường.

[ ←2]

Hoàng-đế, tên một vị vua đời Thượng-cổ bên Tàu, người nghĩ ra cách may mặc trước nhất cho dân-chúng.

[ ← 3 ]

Lương-Võ tức Võ Đế đời nhà Lương bên Tàu, một ông vua rất sùng đạo Phật và làm chùa nhiều nhất.

[ ←4]

Thành Vĩnh-long bị mất về tay quân-đội thực-dân Pháp năm 1867.

[ ←5]

Hạ-Võ, một ông vua hiền có công trị thủy cứu dân đời Tam-đại bên Tàu.



[ ←6]

Đường-Nghiêu, tức đời vua Nghiêu, một đời thịnh-trị nhất bên Tàu.

[ ← 7 ]

Một người hiền ẩn-dật đời vua Nghiêu, vua Nghiêu nghe tiếng mời đến để nhường thiên-hạ cho. Hứa-Do không nhận, khi ra về xuống sông rửa tai. Sào-Phủ, cũng một người ẩn-dật dắt trâu đi uống nước, thấy Hứa-Do làm vậy, hỏi thăm biết chuyện liền dắt trâu đi ra ngọn sông khác, sợ để trâu uống phải nguồn nước nhơ bẩn ấy.

[←8]

Cờ mao tức cờ của nhà vua ban cho.

[ ←9]

Nghiêm-Lăng tức Nghiêm-Quang, bạn thân với vua Quang-Vũ đời Đông Hán, nhưng nhà vua mời ra thế nào cũng không chịu, nhất định đi ẩn câu cá ở một nơi.

[ ← 10 ]

Sông Vị, chỗ ông Lã-Vọng (Khương Tử Nha) ngồi câu cá ngày xưa.

[ ← 11 ]

Tiêu-trưởng là hao mòn và lớn lên, ý nói về lúc thịnh lúc suy.

[ ←12]

Cờ chiêu tức là cờ an-ninh, thứ cờ kêu gọi dân-chúng hãy trở về quy thuận.

### [ ←13]

Cơm Phiếu-mẫu tức là cơm khi đói quá được ăn, tích trong Tây-hán-sử, Hàn-Tín xưa nhà nghèo câu cá ở dưới thành, không đủ ăn, bà Phiếu mẫu thấy Tín đói quá, mời gọi Tín đến để cho ăn. Cơm Phiếu-mẫu ở đây là thích nghĩa về ăn. Gối Trần-Đoàn là thích nghĩa về ngủ, vì ông này ngày xưa ngủ một giấc ở núi đến 3 năm mới dậy. Ngựa nghiêng loan phụng là thích nghĩa về cái khoái thứ 3, còn nhẹ nhàng nương long là chỉ vào cái khoái thứ 4 vì hai chữ nương long là một tiếng thanh, một tiếng lỏng của các cụ nhà Nho xưa dùng để chỉ vào hậu-môn.



[ ← 14 ]

Dinh hư tiêu trưởng là đầy vơi, tan đi và lớn ra, ý nói về thịnh suy bỉ thái.

[ ←15]

Đặc táng cùng thông là được, mất, xui, hên. Hai câu này có ý nói con người ta ở đời khi bĩ khi thái, khi may khi rủi đều do số mạng nơi trời định.

[ ←16]

Theo ngoài Bắc thì là con thứ hai. Vì ở trong Nam, người con đầu lòng thường gọi là thứ 2, rồi đến người kế, tức người thứ 2 ngoài Bắc thì gọi là thứ 3.

[ ←17]

Hạng-Vương tức là Hạng-Võ, người cùng với Lưu-Bang khởi nghĩa đánh phá được nhà Tần. Sau 2 người trở lại tranh nhau. Cuối cùng Hạng-Vương thua tự-tử, thủ-cấp Hạng Vương đưa người cắt đem nộp cho Lưu-Bang. Khi nhìn thấy đầu Hạng-Vương, Lưu-Bang nhớ lại cảnh ngày xưa cùng kết nghĩa anh em, nên bùi ngùi cảm động và sa nước mắt khóc.

[ ←18]

Trăm hai non nước là địa-thể đất Quan-trung, kinh-đô nhà Tần đóng. Nơi này rất hiểm yếu, hai người ở trong có thể địch lại một trăm người ở ngoài.

[ ←19]

Hạng-Vương, người mình cao 8 thước (thước Tàu xưa) và mỗi mắt có 2 con người.

[ ←20]

Khi đánh nhau, Hạng-Vương bắt sống được cha của Lưu Bang là Thái-công, giam ở Quảng-võ, rồi cho người đưa tin bắt Lưu-Bang phải trả đất, nếu không, sẽ giết nấu canh. Lưu-Bang trả lời, mày với tao 2 đứa là anh em, cha tao là cha mày, vậy mày có muốn nấu canh thì cứ nấu. Hạng-Vương cả giận toan nấu, nhưng nhờ có Hạng-Bá là chú ruột khuyên can nên thôi, và sau đó lại thả cho ra về.

[ ←21]

Hồng-môn là chỗ khi đánh Tần xong, Hạng-vương và Lưu-Bang cùng dự yến ở đó, để giàn xếp sự bất hòa giữa nhau.



[ ←22]

Hai trẻ tức nhị thụ đồng-tử. Tục truyền, người gần chết thường có 2 đứa trẻ đứng bên thúc giục chết cho mau.

[ ←23]

Do chữ-sách : « Lạp trúc thành khô, lụy thủy can » nghĩa là nển đốt thành tro, lụy mới khô.

[ ←24]

Chữ « hoang » này đáng lẽ phải là chữ « oan » mới đúng là họa vận, nhưng chữ « oan » với « hoang », người miền Nam phát âm cùng một điệu, cho nên không phải là sai với vận của nguyên xướng.

[ ←25]

Nhan-cáo-Khanh đời Đường bị giặc bắt, chửi giặc ; giặc đem đi cắt lưỡi,  
Nhan vẫn không hề sợ.

[ ←26]

Khuất-Nguyên đời chiến-quốc ; can vua Sở, biết rằng sẽ gặp nguy sẽ bị vua Sở ghét, nhưng vẫn không sờn lòng nản chí.

[ ←27]

Tam Tần tức chỉ đời loạn-lạc như thời Tam-tần tức đời Hán, Sở bên Tàu xưa. Sau khi đánh được Tần, Hạng-vũ bèn chia đất nhà Tần ra làm 3 để phong cho 3 viên hàng-tướng là Hàm, Hân và Ế để gây nên cuộc chiến-tranh Hán Sở, và sau này cả Tam Tần đều bị thất bại về tay tướng của Lưu-Bang là Hàn-Tín.

[ ←28]

Ngũ Quý tức thời Ngũ-đại, một đời loạn lạc nổi tiếng bên Tàu xưa.

[ ←29]

Đương vi là nên làm, có thể làm được.



[ ← 30 ]

Y-Châu là Y-Doãn và Châu-Công.

[ ←31]

Ngày xưa Châu-văn-vương cai trị Kỳ-sơn, lúc ấy có chim phượng gáy. Câu này có ý nói thế nào vận nước cũng có lúc hưng lại.

[ ←32]

Vua Thuần ngày xưa đi bừa, có voi vì cảm lòng hiếu thảo của nhà vua ra dậm đất cho nát để bừa giúp nhà Vua. Kẻ cày voi ở đấy là chỉ vào vua Thuần.

[ ←33]

Tức Hứa-xương, nơi kinh-đô của Tào-Tháo.